

gr. 2019 2019
CÔNG - STĂNG - TI - NỐP

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN

CHƯƠNG VI CUỐN « DUY VẬT LỊCH SỬ »

DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC

TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN - XÔ

XUẤT BẢN NĂM 1954

IN LẦN THỨ II



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HÀ-NỘI — 1957



CÔNG-STĂNG-TI-NÔP

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN

CHƯƠNG VI CUỐN «DUY VẬT LỊCH SỬ»

DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC

TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ

XUẤT BẢN NĂM 1954

IN LẦN THỨ II



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HÀ-NỘI — 1957





CHƯƠNG VI

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN

Trong hai chương « Cơ sở và kiến trúc thượng tầng của xã hội », « Giai cấp và đấu tranh giai cấp », chúng ta đã nghiên cứu chung chung vấn đề về chế độ chính trị và pháp quyền, về tính chất sự liên hệ của các chế độ đó với cơ sở kinh tế, cũng như về tác dụng của nó trong sinh hoạt xã hội, trong sự phát triển xã hội và trong đấu tranh giai cấp. Chương này sẽ chuyên nghiên cứu bản chất của Nhà nước và pháp quyền, nguồn gốc của Nhà nước và pháp quyền và tác dụng của nó trong sinh hoạt xã hội, trong đấu tranh giai cấp.

1. – NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN LÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LUẬT TRÊN CƠ SỞ KINH TẾ

Lê-nin đã nói: ít có vấn đề bị các nhà tư tưởng của giai cấp bóc lột, những kẻ đại biểu cho triết học, xã hội học, luật học tư sản che đậy lấp liếm nhiều như vấn đề Nhà nước. Đó là vì vấn đề bản chất của Nhà nước và chức năng của nó đụng chạm đến lợi ích căn bản của các giai cấp. Mong

mọi những người đại biểu cho xã hội học và luật học tư sản phơi bày bản chất thật của Nhà nước, thì cũng ngu ngốc như mong mọi những nhà thần học và những thầy tu của giáo hội vạch trần bản chất thật của tôn giáo. Lợi ích giai cấp, ý thức giai cấp, bản năng giai cấp khiến những người đại biểu của « khoa học » tư sản và giới chính trị tư sản không chịu phá tan lớp sương mù thần bí mà hàng bao nhiêu thế kỷ nay, tôn giáo và các thuyết khác của giai cấp bóc lột đã tung ra để che đậy cho Nhà nước của giai cấp tư sản."

Các nhà xã hội học và luật học tư sản, đều tả Nhà nước tư bản chủ nghĩa thành một thứ vượt lên trên giai cấp, đứng ra ngoài giai cấp, hình như đứng lên trên xã hội. Trong bọn họ có một số người nói Nhà nước là tổ chức để « duy trì trật tự », cũng như những người lính canh đêm bảo vệ an ninh cho toàn thể công dân, một số người khác nói Nhà nước giống như cái đai sắt để thắt chặt xã hội, bảo đảm cho xã hội khỏi bị tan rã; số người thứ ba nói Nhà nước có sứ mệnh làm dịu mâu thuẫn giai cấp, hòa giải những giai cấp đối địch nhau, v.v... Tất cả những « lý luận » ấy đều có một điểm chung là phủ nhận bản chất giai cấp của Nhà nước. Bọn thủ lĩnh của đảng Xã hội cánh hữu làm đầy tớ cho giai cấp tư sản ở tất cả các nước trên thế giới, cũng đứng trên lập trường ấy. Trong quyển « Thế giới mới và chủ nghĩa xã hội » (năm 1946), một trong những tên xuyên tạc chủ nghĩa Mác một cách quỷ quyệt nhất là Ren-ne đã tả Nhà nước tư sản theo chế độ nghị viện thành

một vật siêu giai cấp, và cam đoan rằng giai cấp công nhân thông qua quyền phổ thông đầu phiếu, có thể từ một giai cấp bị áp bức trở thành giai cấp «bắt rễ vào Nhà nước». Bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu ở tất cả các nước cũng đứng trên quan điểm ấy.

Khi xét bản chất một Nhà nước nào đó, không nên căn cứ theo lời văn thể này hay thể khác của các chính khách và của các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản và của các giai cấp bóc lột khác — kể cả những người xã hội cánh hữu — mà phải căn cứ vào chính sách mà Nhà nước ấy thực hành, xem chính sách ấy phục vụ cho giai cấp nào. Tất cả những hành động thực tế của Nhà nước tư sản đã lật đổ những thuyết giả dối về Nhà nước siêu giai cấp, nhất là hành động trắng trợn dùng mọi công cụ của chính quyền Nhà nước như cảnh sát, quân đội, tòa án, v.v... để đàn áp hoạt động của công nhân, khi xảy ra xung đột giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Sự thật thì Nhà nước là tổ chức chính trị của giai cấp chiếm địa vị thống trị về kinh tế. Nhà nước là tổ chức mà giai cấp thống trị dùng làm công cụ để đàn áp giai cấp khác. Ăng-ghe-n đã phân tích tỉ mỉ và sâu sa điều kiện và nguyên nhân sinh ra Nhà nước trong quyển «Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước», và sau đó đã kết luận rằng:

«Vi Nhà nước sinh ra do sự cần thiết phải kiểm chế sự đối lập giữa các giai cấp; đồng thời vì nó sinh ra trong ngay những xung đột giữa

những giai cấp ấy, nên theo lệ thường, nó là Nhà nước của giai cấp nào mạnh nhất và chiếm địa vị thống trị về kinh tế; giai cấp ấy, dựa vào Nhà nước, trở thành giai cấp chiếm địa vị thống trị cả về chính trị, do đó mà cũng có công cụ mới để đàn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức. Thí dụ Nhà nước thời cổ trước hết là Nhà nước của chủ nô lệ để áp bức nô lệ, Nhà nước phong kiến là cơ quan của quý tộc để áp bức nông nô, còn Nhà nước theo chế độ nghị viện ngày nay là công cụ của tư bản để bóc lột lao động làm thuê» (1).

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nó là công cụ chính trị của giai cấp công nhân, là công cụ để đàn áp giai cấp tư sản và địa chủ đã bị lật đổ, là công cụ để kiến thiết xã hội mới, cộng sản.

✱ Nhà nước là một phạm trù lịch sử: Nó không phải có ngay từ khi mới có loài người mà nó ra đời trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử, khi xã hội phân chia thành giai cấp đối địch nhau không thể điều hòa được. Nhà nước không phải là công cụ dùng để điều hòa sự đối lập giai cấp như những nhà xã hội học và luật học tư sản thường nói, mà nó là công cụ của giai cấp này để đàn áp giai cấp khác. Nhà nước ra đời, bản thân việc ấy chứng minh mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.

Nhà nước là kiến trúc thượng tầng chính trị xây dựng trên một cơ sở kinh tế nhất định. Mỗi

(1) Ăng-ghe-n: « Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước ».

một cơ sở nhất định trong lịch sử xây dựng trên sự đối kháng giai cấp đều tạo ra và sinh ra kiến trúc thượng tầng chính trị và pháp quyền của nó, Nhà nước và pháp quyền của nó. Nhà nước là kiến trúc thượng tầng chính trị, bao giờ nó cũng phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị. Giai cấp nào chiếm địa vị thống trị về kinh tế thì giai cấp ấy là lực lượng thống trị cả về chính trị. Không bao giờ Nhà nước lại đứng trên lập trường không thiên lệch, đối đãi ngang nhau với mọi giai cấp hợp thành xã hội có đối kháng.

Đặc trưng của tất cả các kiểu và các hình thức Nhà nước của bọn bóc lột là các Nhà nước đó đều là công cụ chính trị của số ít kẻ bóc lột để đàn áp số đông người bị áp bức tức là nhân dân lao động. Nếu không có Nhà nước là cơ quan đàn áp thì xã hội dựa trên cơ sở số rất ít người bóc lột số rất nhiều nhân dân lao động, không thể tồn tại.

Dấu hiệu chủ yếu của Nhà nước thuộc bọn bóc lột là có quyền lực công khai, tức là quyền lực thoát ly quần chúng nhân dân và thực hiện bằng bộ đội vũ trang đặc biệt (quân đội, cảnh sát, v.v...) Trong xã hội nô lệ, xã hội phong kiến, và xã hội tư bản, quân đội đều phục vụ cho kẻ bóc lột để đàn áp nhân dân lao động trong nước và cũng để tiến hành chiến tranh xâm lược hoặc chiến tranh tự vệ. Để đàn áp người lao động, ngoài quân đội ra, mỗi một Nhà nước của giai cấp bóc lột đều có bộ đội vũ trang được lựa chọn đặc biệt, tức là cảnh sát và hiến binh, có các cơ quan như tòa án, nhà giam, v.v... Cảnh sát và hiến binh là

đội dao phủ vũ trang mà nhân dân căm thù nhất, nhiệm vụ của nó là chuyên môn hãm hại người lao động, hãm hại công nhân và nông dân cách mạng.

✧ Cơ quan trinh thám trong bộ máy Nhà nước có một tác dụng hết sức quan trọng, nhất là hiện nay. Trong Nhà nước tư sản, cơ quan trinh thám là cơ quan hoạt động gián điệp, hoạt động đặc vụ và hoạt động phá hoại, đối ngoại thì nó chống các nước khác, đối nội thì nó chống nhân dân lao động. Hiện nay, cơ quan trinh thám của Nhà nước tư sản trước hết là nhằm chống Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân. Nhà nước đế quốc dựa vào cơ quan trinh thám để dùng trăm phương nghìn kế thu thập tình báo về tình hình quân đội, vũ trang, kinh tế và khoa học, cố sức phá hoại lực lượng kinh tế, chính trị và quân sự của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, tổ chức phá hoại, hại ngầm, quấy rối, khiêu khích, khủng bố, v.v... Các nước đế quốc định dựa vào những phần tử đặc vụ của chúng để gây ra chính biến và khôi phục chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước dân chủ nhân dân. Tập đoàn đế quốc Mỹ là kẻ tổ chức và xui giục những hoạt động gián điệp, hại ngầm ở các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

✧ Trong nội bộ các nước tư bản chủ nghĩa, cơ quan trinh thám của Nhà nước tư bản trước hết là nhằm chống lại giai cấp công nhân và tổ chức của giai cấp công nhân. Nhà nước tư sản hết sức muốn làm cho tổ chức của giai cấp vô sản suy yếu và tan rã, nên bí mật cài gián điệp và bọn khiêu

khích vào các tổ chức ấy. Cơ quan trinh thám của Nhà nước tư sản lợi dụng tính hiếu danh, tính ích kỷ và tính hèn nhát và các thói xấu khác của người ta để dụ dỗ, dọa dẫm và mua chuộc, làm cho những người ý chí không vững sa vào lưới đặc vụ của chúng, và hòng dùng hạng người này để phá hoại các tổ chức của giai cấp vô sản, trước hết là phá hoại Đảng cộng sản, hòng cướp quyền lãnh đạo trong các tổ chức ấy, làm cho nó mất sự lãnh đạo. Trong lịch sử phong trào công nhân nước Nga đã có những tên khiêu khích như: Gápôn, Ma-li-nốp-sky và những tay sai khác của sở mật thám Nga hoàng. Tô-rốt-sky, Di-nô-vi-ép, Camê-nép, Bu-kha-rin, Ri-cốp, Ra-cốp-sky, Ia-gô-đa, Bê-ri-a, v.v... đều đã bị Đảng cộng sản vạch mặt là những tên gián điệp, phá hoại và chó săn của cơ quan trinh thám nước ngoài.

Vì vậy, *quân đội, cảnh sát, hiến binh, cơ quan trinh thám, tòa án, nhà tù* là những cơ quan quyền lực quan trọng nhất trong Nhà nước của giai cấp bóc lột; cùng với *đội quân quan lại* và các *cơ quan đại nghị*, những *cơ quan nói trên của Nhà nước của bọn bóc lột* hợp thành quyền lực chính trị cuối đầu cuối cổ nhân dân. Mâu thuẫn giai cấp trong nước và mâu thuẫn giữa các nước càng gay gắt, thì bộ máy quyền lực chính trị ấy cũng ngày càng công kênh.

Ngày nay, có thể lấy nước Mỹ làm thí dụ về việc mở rộng vô hạn độ bộ máy Nhà nước quân sự, quan liêu và cảnh sát. Ở Mỹ, bộ máy quân sự, cảnh sát và bộ máy hành chính quan liêu phát

triển hơn bất cứ một nước tư bản nào khác. Việc nuôi một lực lượng vũ trang to lớn của Mỹ là một gánh hết sức nặng nề lên vai nhân dân lao động. Không những thế, nước Mỹ còn trở thành binh công xưởng của tất cả các nước tư bản châu Âu, châu Mỹ, châu Á, châu Phi, châu Úc. Mỹ dựa vào công ước Bắc Đại-tây-dương buộc các nước tư bản phụ thuộc vào Mỹ phải mở rộng binh bị. Quần chúng nhân dân các nước tư bản xưa nay chưa bao giờ bị chủ nghĩa quân phiệt đè nặng như ngày nay. Nhà nước đế quốc của Mỹ hiện đang đóng vai trò phản động của tên hiến binh thế giới.

x Để duy trì cơ quan chính quyền Nhà nước, cần phải có chi phí. Nguồn lấy những chi phí đó là thuế. Lấy thuế của nhân dân cũng là một trong những dấu hiệu của Nhà nước. Trong Nhà nước của giai cấp bóc lột, thuế khóa là một trong những thủ đoạn để giai cấp bóc lột cướp bóc thêm người lao động.

Nhà nước khác với tổ chức thị tộc trước khi Nhà nước ra đời; đặc điểm của nó là chia dân cư theo *khu vực*, tức là chia theo xã, khu, quận, châu, huyện, tỉnh, v.v..., chứ không phải chia theo quan hệ huyết thống. Chia theo khu vực có ý nghĩa một cuộc cách mạng trong quan hệ xã hội, có nghĩa là tổ chức công xã nguyên thủy dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống và giòng họ chung, tan rã và diệt vong.

Trong sự hoạt động bảo vệ cho chế độ kinh tế hiện có, Nhà nước đặt ra pháp quyền, tức là một

hệ thống nhất định gồm những quy phạm pháp luật (luật lệ và pháp quy) đại biểu cho lợi ích và ý chí của giai cấp thống trị, và có tính chất cưỡng bức phải tuân theo. Là phản ánh và biểu hiện của quan hệ kinh tế, tức của quan hệ sản xuất nhất định, của quan hệ sở hữu nhất định, pháp quyền dùng thủ tục pháp luật, thủ tục lập pháp để cố định, xác định, bảo vệ những quan hệ ấy, thúc đẩy những quan hệ ấy phát triển thêm.

Pháp quyền là ý chí của giai cấp thống trị đề lên thành pháp luật. Nhà nước tồn tại là tiền đề của pháp quyền. «...Nếu không có một bộ máy có thể bắt buộc người ta tuân theo những quy phạm của pháp quyền», tức là nếu không có Nhà nước, «thì pháp quyền có cũng như không» (1). Đồng thời, ngược lại, khi Nhà nước chấp hành chức năng của nó thì lại dựa vào những quy phạm pháp quyền do nó đặt ra. Nhà nước và pháp quyền cùng hợp lại thành yếu tố quan trọng nhất trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, tức chính là bộ phận chính trị và pháp luật của kiến trúc thượng tầng ấy.

Trong xã hội có bóc lột, quy phạm pháp quyền phục vụ cho việc đàn áp và kiềm chế các giai cấp bị bóc lột. Trong tất cả những xã hội có đối kháng, pháp quyền đều biểu hiện và củng cố quan hệ thống trị và phục tùng, biểu hiện và củng cố nền chuyên chính của một giai cấp nhất định và vai trò lãnh đạo của giai cấp ấy trong xã hội.

(1) «Lê-nin tuyển tập».

Ý chí của giai cấp bóc lột chiếm địa vị thống trị về kinh tế và chính trị (chủ nô lệ, hoặc chủ nông nô tức địa chủ, hoặc nhà tư bản) thể hiện ra trong pháp luật, thông qua các cơ quan Nhà nước như quân đội, cảnh sát, tòa án, nhà tù, bắt buộc cả xã hội, trước hết là bắt buộc nhân dân lao động phải tiếp nhận; những pháp luật ấy, những quy phạm pháp quyền ấy đều dùng để chống lại và kiềm chế nhân dân lao động. Kẻ bảo hộ và bênh vực cho quy phạm pháp quyền là lực lượng hiện thực của Nhà nước gồm cả một bộ máy cưỡng bức.

Các nhà xã hội học và pháp quyền học của giai cấp tư sản đều xuyên tạc bản chất và chức năng của pháp quyền. Một số người trong bọn chúng định giải thích pháp quyền là một thứ siêu tự nhiên, là ơn huệ của «Thượng đế», giống như 10 điều răn của Mô-i-dơ (Moïse) mà theo kinh thánh là do Thượng đế ban cho trên núi Xi-nai; loại người thứ hai cho rằng quy phạm pháp quyền là do sáng kiến «tự do» không bị một cái gì gò bó của người lập pháp làm ra; loại người thứ ba cho rằng những cảm xúc về tâm lý hay luân lý là nguồn gốc và bản chất của pháp quyền; còn loại người thứ tư thì coi «thiên tính của loài người» là nguồn gốc và bản chất của pháp quyền, tuyên bố hình thức pháp quyền tư sản, một hình thức nhất định trong lịch sử, là hình thức pháp quyền tự nhiên, siêu lịch sử, vĩnh viễn và siêu giai cấp.

Tất cả những nhà xã hội học, pháp quyền học tư sản ấy bằng cách này hay cách khác đều xuyên tạc, che giấu và xóa mờ bản tính xã hội thực sự

của pháp quyền, nguồn gốc vật chất kinh tế của nó và bản chất giai cấp của nó. Học thuyết pháp quyền sai lầm, xuyên tạc đó của các nhà xã hội học và luật học tư sản là kết quả của một sự giả tạo nhằm một mục đích chính trị nhất định: tô vẽ lợi ích giai cấp của tư bản biểu hiện ra trong pháp quyền tư sản thành lợi ích của toàn thể nhân dân.

Chính bộ mặt thật của xã hội của bọn bóc lột và quan hệ xã hội của nó cũng biểu hiện ra bằng những hình thức xuyên tạc, cho nên tình trạng đó cũng có tác dụng nhất định đối với việc các nhà xã hội học và luật học tư sản mô tả một cách sai lệch bản chất của pháp quyền. Các nhà luật học, pháp quyền học tư sản hễ đụng đến vấn đề quy phạm pháp quyền là cứ theo thói quen nhà nghề của họ mà coi quy phạm pháp quyền là một cái gì tồn tại độc lập, tự động phát triển và hình như không liên quan gì đến kinh tế, thậm chí còn quyết định quan hệ kinh tế nữa. Lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản cố định quan niệm pháp quyền sai lầm, lệch lạc của các nhà học giả và luật học tư sản.

Các nhà xã hội học và luật học tư sản coi pháp quyền, coi ý chí Nhà nước là một thứ tồn tại độc lập, là biểu hiện của « tư tưởng pháp quyền » « siêu giai cấp » do bọn duy tâm bịa đặt ra. Thực tế thì nội dung của ý chí Nhà nước cũng như tính chất của tư tưởng pháp quyền, đều do quan hệ kinh tế chiếm địa vị thống trị quyết định, đều do lợi ích giai cấp của giai cấp chiếm địa vị thống trị về kinh tế và về chính trị quyết định.

Pháp quyền cũng như Nhà nước, xưa nay chưa bao giờ có thể độc lập với quan hệ kinh tế. Chế độ kinh tế của xã hội như thế nào, quan hệ sản xuất chiếm địa vị thống trị trong một xã hội như thế nào, thì Nhà nước và pháp quyền, chế độ chính trị và chế độ pháp quyền của xã hội ấy cũng như thế ấy.

2. — NGUỒN GỐC CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN

Bất cứ một hiện tượng xã hội nào, chỉ khi nào ta nghiên cứu nó trong quá trình phát sinh, biến đổi và phát triển của nó, chỉ khi nào ta biết rõ nguyên nhân gì làm cho nó sinh ra, thì khi đó mới có thể hiểu được nó. Muốn hiểu bản chất của Nhà nước và pháp quyền, cần phải nói rõ Nhà nước và pháp quyền sinh ra như thế nào, trong điều kiện nào và do nguyên nhân nào.

Trong chế độ công xã nguyên thủy, chưa có Nhà nước. Lãnh đạo các thị tộc, bộ lạc hay liên minh bộ lạc là những người do toàn thể nhân dân cử ra, họ chấp hành những nhiệm vụ xã hội nhất định: tổ chức lao động chung, trông nom hồ chứa nước (đặc biệt là ở xứ nóng), hòa giải xích mích giữa các thị tộc và giữa các bộ lạc, đôn đốc việc tuân theo phong tục tập quán và lễ nghi tôn giáo, bảo vệ cho những người trong thị tộc mình không bị các thị tộc ngoài hãm hại v. v... Cơ quan quyền lực xã hội ấy không có một công cụ cưỡng bức

đặc biệt nào độc lập với công xã thị tộc, với bộ lạc. Quyền lực của nó trước hết có sức mạnh của chân lý.

Chỉ sau khi xã hội chia thành giai cấp đối địch không thể điều hòa Nhà nước mới xuất hiện. Lịch sử Nhà nước A-ten ra đời chứng tỏ rõ rệt quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy, chứng tỏ rõ rệt kiến trúc thượng tầng mới của xã hội là Nhà nước ra đời như thế nào.

Người Hy-lạp thời đại Hô-me vẫn liên hợp với nhau theo thị tộc, bào tộc và bộ lạc, rồi bộ lạc liên hợp thành bộ tộc. Cơ quan tự trị của họ là: hội đồng nghị sự (bule); lúc đầu hội đồng nghị sự do tộc trưởng các thị tộc tổ chức thành, về sau vì số tộc trưởng tăng lên, nên hội đồng nghị sự do đại biểu của nhân dân bầu ra tổ chức thành. Quyền lực cao nhất thuộc về đại hội nhân dân (agora). Đại hội nhân dân do hội đồng nghị sự triệu tập để giải quyết mọi vấn đề công cộng quan trọng. Tất cả những người đàn ông tham gia đại hội đều có quyền phát biểu ý kiến của mình, tán thành hoặc phản đối. Nghị quyết thì dùng phương pháp giơ tay để thông qua. Thủ trưởng quân sự (basileus), người chỉ huy do đại hội nhân dân bầu ra hoặc do hội đồng nghị sự chỉ định. Bất cứ hội đồng nghị sự hay thủ trưởng quân sự cũng đều không thể làm một việc gì trái với ý chí của nhân dân, vì trong tay họ ngoài nhân dân vũ trang ra, không còn một quyền lực gì khác. Mỗi người con trai thành niên đều có vũ trang. Vì thế, quyền lực cao nhất thuộc về nhân dân vũ trang, thuộc về « Dân chủ quân sự » như Ăng-ghe-nơ nói.

Tất cả các bộ lạc và bộ tộc đều thực hiện thứ « dân chủ quân sự » nguyên thủy ấy bằng hình thức này hay hình thức khác. Về sau vì năng suất lao động được nâng cao, và sự phân công lao động, chế độ tư hữu và sự trao đổi phát triển, nên xã hội thị tộc không có giai cấp dần dần tan rã từ trong nội bộ. Hiện tượng tài sản chênh lệch phát triển, kết quả là xã hội phân chia thành giai cấp đối lập nhau — người giàu và người nghèo, chủ nô lệ và nô lệ.

Sau khi xã hội phân chia thành giai cấp đối địch nhau, cần phải thành lập một cơ quan để bảo vệ chế độ tư hữu chưa được mọi người công nhận dưới chế độ công xã nguyên thủy, để chính thức tuyên bố chế độ tư hữu là cơ sở thiêng liêng bất khả xâm phạm của chế độ xã hội mới hình thành. Cơ quan ấy là Nhà nước. Sự mệnh của nó là bảo vệ đặc quyền của người có của chống lại người không có của, trước hết là bảo vệ lợi ích của chủ nô lệ chống lại nô lệ.

Quá trình hình thành Nhà nước A-ten đã kéo dài trong nhiều thế kỷ. Quá trình ấy xảy ra trên cơ sở phát triển của quan hệ sản xuất mới và trong hoàn cảnh đấu tranh tàn khốc giữa các giai cấp đang hình thành : người có của và người không có của, chủ nô lệ và nô lệ. Ăng-ghen gọi quá trình Nhà nước nô lệ A-ten ra đời là một quá trình điển hình, vì nó xảy ra trên cơ sở phát triển nội bộ, không bị ảnh hưởng của sự chinh phục bên ngoài.

Trong các dân tộc khác, vì điều kiện phát triển lịch sử khác nhau, nên quá trình ấy có

những đặc điểm riêng. Đặc điểm của sự ra đời của Nhà nước ở các dân tộc khác nhau là do điều kiện lịch sử quyết định, đặc biệt là do hình thái xã hội nào ra đời sau khi chế độ công xã nguyên thủy của dân tộc ấy tan rã, quyết định. Hình thức sớm nhất và giản đơn nhất của sự phân chia xã hội thành giai cấp là sự phân chia thành nô lệ và chủ nô lệ. Phần lớn các dân tộc đều trải qua giai đoạn phát triển ấy. Song không phải là ở hết thảy các dân tộc, chế độ nô lệ đều phát triển thành một hình thái xã hội kinh tế đặc biệt.

Thí dụ, đối với dân tộc Giéc-manh, thì chế độ công xã nguyên thủy tan rã cùng một lúc với sự tan rã của đế quốc La-mã theo chế độ nô lệ và của toàn bộ xã hội nô lệ thời cổ. Ở đây có sự kết hợp và gặp nhau giữa hai quá trình xã hội kinh tế — một mặt là sự tan rã của chế độ nô lệ của đế quốc La-mã, mặt khác là sự tan rã của chế độ công xã thị tộc của những người đi chinh phục, của những người dã man Giéc-manh; tình hình ấy làm nảy ra chế độ phong kiến và Nhà nước phong kiến. Tiến trình phát triển kinh tế của dân tộc dã man Giéc-manh đã phá hoại sinh hoạt của công xã thị tộc và các cơ quan của nó, và chiến tranh cùng những sự cướp bóc bằng vũ lực lại làm cho quá trình ấy thêm nhanh chóng. Trong quá trình chiến tranh, phần lớn của cải cướp được rơi vào tay các thủ lĩnh quân sự cao nhất, cùng tay chân bộ hạ của chúng. Quyền lực của thủ lĩnh quân sự tối cao dần dần biến thành cha truyền con nối. Những thủ lĩnh quân sự ấy biến

từ người chấp hành ý chí của bộ lạc và bộ tộc, thành người cướp đoạt, thành người chỉ huy, thành vua chúa, nghĩa là biến thành người đại biểu về chính trị cho lợi ích của giai cấp quý tộc phong kiến lúc bấy giờ đang hình thành.

Quá trình tan rã đặc biệt, lâu dài của chế độ công xã ở các dân tộc Sla-vơ cũng thế, cũng dễ ra chế độ phong kiến chứ không phải chế độ nô lệ. Đối với dân tộc Sla-vơ, chế độ nô lệ không trở thành phương thức sản xuất chiếm địa vị thống trị. Hình thức Nhà nước sớm nhất của công quốc (a) Nô-vơ-gơ-rốt và công quốc Ki-ép (nửa đầu thế kỷ thứ IX) đã gần với kiểu Nhà nước phong kiến.

Quá trình hình thành Nhà nước của người Sla-vơ phương Đông ở nước Nga thời cổ chứng thực quy luật chung mà chủ nghĩa Mác vạch ra, tức là Nhà nước ra đời là sản vật của mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Sự ra đời của cơ sở kinh tế mới xây dựng trên đối kháng giai cấp và sự đấu tranh giai cấp đã làm cho một số cơ quan của công xã nguyên thủy tan rã, tiêu diệt và một số cơ quan khác biến đổi, làm cho những cơ quan ấy biến thành cơ quan Nhà nước cuối đầu cuối cổ nhân dân và biểu hiện quyền thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác.

Ở Ki-ép, ở Nô-vơ-gơ-rốt cũng như ở các thành phố khác của nước Nga thời cổ, ngoài quyền lực của vương công và quyền lực của hội đồng nghị

(a) Nhà nước do công tước đứng đầu — N.D.

sự do quý tộc quân sự và quý tộc chiếm hữu ruộng đất tổ chức thành, vẫn còn tiếp tục giữ Ve-che (1) tức là tàn tích của chính quyền nhân dân và chế độ dân chủ quân sự thời công xã nguyên thủy. Nhưng về sau, Ve-che càng ngày càng giữ vai trò phụ thuộc và cuối cùng biến thành công cụ trong tay một số rất ít quý tộc nắm mọi độc quyền, do vương công đứng đầu.

Cũng như Nhà nước, pháp quyền là sản vật của sự phát triển lịch sử. Dưới chế độ công xã nguyên thủy, quan hệ giữa người và người được điều chỉnh bằng truyền thống và tập quán của đời nọ truyền đời kia. Tập quán nảy ra trong điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội nguyên thủy, xác định cái gì có thể làm, cái gì không thể làm, cái gì là thiện, cái gì là ác, những tập quán đó đại biểu cho lợi ích chung của mọi người trong xã hội. Vì thế, lúc ấy rất ít có hiện tượng làm ngược lại tập quán.

Nhưng, một khi xã hội đã chia ra giai cấp, một khi đã nảy ra lợi ích đối địch nhau, thì tập quán không còn có thể điều chỉnh được hành vi của tất cả mọi người nữa. Khái niệm của các giai cấp về thiện và ác, lợi và hại, chính nghĩa và phi chính nghĩa dần dần khác nhau.

Xã hội nguyên thủy không biết trộm cắp là gì, vì lúc ấy không có tài sản tư hữu. Khi chế độ tư

(1) Ve-che là hội nghị dân thành thị ở nước Nga thời cổ tổ chức ra để bàn bạc các công việc quốc gia và công việc xã hội.

hữu biến thành cơ sở của sinh hoạt xã hội, thì cũng xuất hiện ra hành vi phá hoại chế độ tư hữu, tức là hành vi trộm cắp.

Theo tập quán của công xã thị tộc, không được bắt người đồng tộc làm nô lệ. Nhưng sự phát triển của quan hệ kinh tế, tính chất phụ thuộc về kinh tế rút cục đã phá vỡ tập quán của thị tộc và làm cho chế độ nô lệ mở rộng ra.

Việc xã hội chia thành giai cấp và Nhà nước xuất hiện, làm cho pháp quyền ra đời thay thế cho tập quán pháp quyền tức là những quy định về hành vi của người ta, có tính chất cưỡng chế và bắt buộc phải tuân theo, những quy định ấy do Nhà nước vạch ra, nó không đại biểu cho ý chí của nhân dân, mà đại biểu cho ý chí của giai cấp chiếm địa vị thống trị về kinh tế và chính trị. Trong xã hội nô lệ, pháp quyền công khai bênh vực nền thống trị và đặc quyền của bọn quý tộc giàu sang, bênh vực chức vị của chúng trong Nhà nước, bênh vực sự bóc lột đối với nô lệ và đối với những người không có của trong số dân tự do, và liệt nô lệ tức là tuyệt đại đa số nhân dân vào địa vị không có quyền gì. Ở Hy-lạp và La-mã, hồi ấy giết chết nô lệ không bị pháp luật trừng trị. Pháp luật chỉ bảo vệ chủ nô lệ.

Vi pháp quyền cũng như Nhà nước có nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ tài sản tư hữu không để cho người không có của xâm phạm, cho nên những pháp luật tàn khốc nhất của thời cổ đều gắn liền

với việc bảo vệ chế độ tư hữu. Luật Đơ-ra-công⁽¹⁾ của A-ten là như thế và luật La-mã thời cổ cũng như thế.

3. — CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

Bản chất của Nhà nước và bản tính giai cấp của Nhà nước biểu hiện ra ở chức năng của nó, biểu hiện ra ở vai trò của nó trong xã hội có giai cấp.

Đặc điểm hoạt động của mọi Nhà nước là hai chức năng cơ bản sau đây: chức năng đối nội, chủ yếu, biểu hiện quan hệ giữa các giai cấp trong nước, và chức năng đối ngoại, không chủ yếu, biểu hiện quan hệ giữa nước này với nước khác. Nhà nước của kẻ bóc lột thì chức năng đối nội là làm cho đại đa số nhân dân bị bóc lột cúi đầu phục tùng, chức năng đối ngoại là vì lợi ích của giai cấp thống trị mà mở rộng lãnh thổ của nước mình bằng cách xâm lược lãnh thổ nước ngoài, hoặc bảo vệ lãnh thổ nước mình khỏi bị nước khác xâm phạm. Trước kia dưới chế độ nô lệ và chế độ phong kiến, hay ngày nay dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng đều như thế.

(1) Là người thế kỷ thứ VII trước kỷ nguyên đã đặt ra pháp luật hết sức nghiêm ngặt. Theo lời truyền lại của nhà văn cổ Hy-lạp Pơ-lu-lác-cơ, thì thậm chí ăn cắp rau cỏ, hoa quả cũng bị xử tử hình. Về sau Sô-lông xóa bỏ một bộ phận của pháp luật ấy — (Người dịch ra Hoa văn chú thích).

Chỉ phối về kinh tế, áp bức, bóc lột người lao động, tất cả những việc ấy được đảm bảo trước hết và chủ yếu là bằng chế độ sở hữu độc quyền của giai cấp thống trị về toàn bộ tư liệu sản xuất, hoặc về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Nhưng muốn có thể thực hiện lâu dài quá trình sản xuất dựa trên cơ sở chế độ bóc lột, mà chỉ có sự ràng buộc người lao động về mặt kinh tế thì không đủ. Lúc nào giai cấp bị bóc lột cũng là số đông, mà giai cấp bóc lột chỉ là số rất ít. Để bắt buộc hàng chục vạn nô lệ hay hàng triệu nông nô lao động trong trại ấp của chủ nô lệ hoặc chủ nông nô, thì ngoài việc ràng buộc về kinh tế ra, còn cần có Nhà nước là công cụ của giai cấp thống trị, là cơ quan cưỡng bức bảo vệ sự bóc lột của số ít người đối với số đông người.

Lịch sử của xã hội nô lệ và của xã hội phong kiến đầy đầy những cuộc khởi nghĩa của nô lệ và nông nô chống chủ nô lệ và địa chủ. Nhà nước của chủ nô lệ và của chủ nông nô dùng bạo lực để đàn áp những cuộc khởi nghĩa ấy và bắt buộc nhân dân phải lao động cho kẻ bóc lột. Nhà nước dưới chế độ nô lệ dùng chiến tranh xâm lược để đảm bảo nguồn cung cấp nô lệ mới cho chủ nô lệ. Nhà nước dưới chế độ nông nô buộc người nông dân đòi đòi làm nô lệ cho địa chủ (luật nông nô). Chính quyền Nhà nước phong kiến bắt những người nông nô không chịu nổi bóc lột bỏ chạy trốn, mang về trả lại cho chủ nông nô, và bắt ra trước pháp luật.

Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xây dựng trên cơ sở gọi là lao động làm thuê tự do. Bắt buộc

người vô sản làm việc cho nhà tư bản, không phải là roi vọt của đốc công, mà là sự lo sợ bị đói rét. Nhưng, ngay cả dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, Nhà nước cũng vẫn là công cụ cưỡng chế đảm bảo cho tư bản bóc lột người lao động.

Trong thời kỳ tích lũy đầu tiên của chủ nghĩa tư bản, ruộng đất và tư liệu sản xuất khác của hàng chục vạn, hàng triệu nông dân và người thủ công bị cướp đoạt trắng trợn, họ bị đuổi ra khỏi những nơi đã quen thuộc và trở thành người không có của, thành người ăn mày, lang thang. Chỉ có luật pháp đầm máu và sự đàn áp của Nhà nước mới giúp bọn bóc lột bắt buộc những người ấy phải lao động trong các xí nghiệp tư bản với thân phận người lao động làm thuê. Giai cấp thống trị và Nhà nước của chúng dựa vào pháp luật khủng bố ghê rợn, bắt buộc những người dân đã bị cướp đoạt hết phải phục tùng kỷ luật lao động làm thuê. Roi vọt, di sắt nung vào da, tra tấn, không thiếu thứ gì. Giai cấp tư sản mới lên cần có quyền lực Nhà nước, và thực sự chúng đã vận dụng quyền lực Nhà nước « để « điều tiết » trên công tức là dùng lối cưỡng bức để hạn chế tiền công trong phạm vi tiện cho việc vơ vét nhiều giá trị thặng dư, để kéo dài giờ làm việc, và do đó làm cho bản thân người công nhân giữ địa vị luôn luôn phụ thuộc vào tư bản » (1).

Chỉ do sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, sự áp bức của quan hệ kinh tế mới bắt

(1) Mác : « Tư bản »

buộc được công nhân phục tùng kỷ luật lao động làm thuê, lao động cưỡng bức siêu kinh tế mới được thay thế bằng lao động cưỡng bức bằng kinh tế. Nhưng ngay cả trong tình hình ấy, Nhà nước tư sản vẫn bảo vệ cho nền thống trị của nhà tư bản, vẫn là lực lượng đảm bảo cho cơ sở của chủ nghĩa tư bản là chế độ tư hữu, đảm bảo cho sự bóc lột công nhân làm thuê. Nhà nước tư sản, bất cứ theo chế độ cộng hòa hay theo chế độ quân chủ, xưa nay và ở đâu cũng đều là chiếc gậy trong tay giai cấp tư bản, chấp hành chức năng chủ yếu của nó là đàn áp người lao động.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Nhà nước tư sản thường xuyên áp dụng biện pháp cưỡng bức siêu kinh tế. Về mặt lập pháp, Nhà nước ấy cấm hoặc hạn chế công nhân bãi công (ví dụ như đạo luật Táp-tơ Hác-lây của Mỹ); hoặc là về hình thức thì hiến pháp, pháp luật không cấm bãi công, nhưng vẫn dùng bạo lực để đàn áp phong trào bãi công. Do đó mà Nhà nước tư sản tự lột mặt là công cụ chính trị trong tay bọn tư bản. Nhà nước tư sản phải cảnh sát, hiến binh, bọn còn đồ vũ trang đánh thuê thậm chí còn đưa cả quân đội chính quy vũ trang bằng súng máy, xe tăng, xe thiết giáp để đàn áp công nhân bãi công. Thí dụ ở Anh, không những chính phủ của đảng Bảo thủ, mà cả chính phủ của Công đảng cũng đã nhiều lần phái quân đội đàn áp công nhân bãi công. Ở Ý quân đội theo lệnh của tên bộ trưởng bộ nội vụ, đại biểu của đảng gọi là đảng dân chủ cơ đốc bản chết công nhân, cố nông và nông dân nghèo khổ.

Nhà nước của giai cấp bóc lột, một mặt dùng thủ đoạn bạo lực công khai, một mặt lại dùng thủ đoạn đầu độc về *tinh thần*, về *tư tưởng* để thực hiện chức năng chủ yếu của nó là đàn áp nhân dân lao động. Trước hết chúng dùng giáo hội và trường học để đạt đến mục đích ấy. Trong Nhà nước tư sản hiện tại, ngoài giáo hội và trường học ra, còn có cả một bộ máy tuyên truyền phức tạp, nhiều ngành như báo chí, vô tuyến điện, điện ảnh, vô tuyến điện truyền hình, rạp hát, văn học, dùng làm công cụ áp bức về tư tưởng.

Chức năng đối nội của bất cứ Nhà nước nào cũng đều là chức năng chủ yếu. Bản chất của Nhà nước, bản tính giai cấp của Nhà nước trước hết biểu hiện ra ở chức năng đối nội của nó. Chính vì kẻ bóc lột cần phải đàn áp nhân dân lao động và những người bị bóc lột, nên mới sinh ra Nhà nước nô lệ, Nhà nước phong kiến và Nhà nước tư sản.

Chức năng đối ngoại của Nhà nước của giai cấp bóc lột là đấu tranh để mở rộng lãnh thổ của mình hoặc đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ nước mình khỏi bị nước khác xâm phạm, chức năng ấy kết hợp chặt chẽ với chức năng đối nội. Chính sách đối ngoại của bất cứ Nhà nước nào cũng đều do chế độ kinh tế của xã hội ấy quyết định, và là sự tiếp tục chính sách đối nội của Nhà nước ấy. Mục tiêu chính sách đối ngoại của Nhà nước của bọn bóc lột, trước hết là mở rộng lãnh thổ của nước mình, cướp đoạt và nô dịch các dân tộc khác, mở rộng địa bàn bóc lột, đưa những dân tộc sống trong

khu vực bị chiếm vào phạm vi bóc lột đó. Thậm chí ngay khi Nhà nước nô lệ, Nhà nước phong kiến và Nhà nước tư sản dùng võ trang để bảo vệ nước mình thì trước hết cũng là để bảo vệ của cải và đặc quyền của một thiểu số kẻ bóc lột, bảo vệ điều kiện đảm bảo cho thiểu số đó có độc quyền thống trị nhân dân lao động trong nước.

Nội dung chính sách đối nội phản động của Nhà nước tư sản hiện đại là nô dịch người lao động trong nước, là áp bức dân tộc, là phân biệt dân tộc và chủng tộc, chính sách đó được bổ sung bằng chính sách đối ngoại phản động xâm lược, * (nhằm mục đích nô dịch nhân dân các nước khác. Chính sách đối ngoại của Mỹ ở châu Âu, châu Á, châu Phi và miền Trung, miền Nam châu Mỹ là chính sách tước bỏ chủ quyền dân tộc của nhân dân ở những vùng ấy, là chính sách bạo lực, nô dịch, bóc lột, xây dựng chế độ cảnh sát phản động phát xít và nửa phát xít.

Khi thực hiện chức năng đối nội cũng như khi thực hiện chức năng đối ngoại, Nhà nước của kẻ bóc lột đều dựa vào lực lượng võ trang và cơ quan trình thám. Chiến tranh và đe dọa chiến tranh là phương pháp quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại của Nhà nước thuộc giai cấp bóc lột. Trong khi Nhà nước chấp hành chức năng đối ngoại thì việc ngoại giao chiếm địa vị rõ rệt. Ngoại giao của Nhà nước của bọn bóc lột phải phục tùng chính sách xâm lược của nó, và che đậy cho chính sách xâm lược ấy.

4. — CÁC KIỂU VÀ CÁC HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

Phân biệt Nhà nước, trước hết phải căn cứ vào nội dung giai cấp của nó. Kiểu Nhà nước được quyết định bởi cơ sở kinh tế trên đó Nhà nước dựng lên để làm kiến trúc thượng tầng chính trị. Các kiểu Nhà nước lần lượt thay thế nhau trên lịch sử — Nhà nước nô lệ, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư bản—phản ánh nền thống trị của các giai cấp bóc lột lần lượt thay thế nhau trên lịch sử, tức là chủ nô lệ, chủ phong kiến và nhà tư bản. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu Nhà nước đặc biệt, kiểu mới.

Trong phạm vi của mỗi *kiểu*, đều có nhiều *hình thức quản lý* khác nhau. Ở những nước khác nhau, thậm chí trong một nước nhưng ở những thời kỳ khác nhau, hình thức Nhà nước của xã hội nô lệ có khác nhau, nhưng kiểu Nhà nước thì chỉ có một tức là Nhà nước theo chế độ nô lệ.

Ví dụ ở Hy-lạp và La-mã thời cổ đã có nhiều hình thức Nhà nước : nước quân chủ và nước cộng hòa, chính quyền của chế độ quý tộc chiếm hữu nô lệ và chính quyền của chế độ dân chủ chiếm hữu nô lệ. « Nước quân chủ là chính quyền của một người ; nước cộng hòa là nước mà mọi cơ quan chính quyền đều bầu ra ; chế độ quý tộc là chính quyền của một thiểu số tương đối không đông, chế độ dân chủ là chính quyền của nhân dân (dân chủ dịch thẳng theo chữ Hy-lạp là chính quyền của nhân dân). Tất cả những sự khác nhau đó đều nảy

ra trong thời đại chế độ nô lệ. Mặc dù có những sự khác nhau đó, Nhà nước trong thời đại nô lệ vẫn là Nhà nước của chế độ nô lệ, bất cứ là nước quân chủ hay nước cộng hòa theo chế độ quý tộc hoặc nước cộng hòa theo chế độ dân chủ cũng đều như thế cả. » (1)

Nếu nói kiểu Nhà nước là do chế độ kinh tế xã hội nhất định trên lịch sử quyết định, là do giai cấp nào nắm chính quyền quyết định, thì hình thức quản lý là do điều kiện lịch sử cụ thể của sự phát triển ở nước ấy quyết định, là do xã hội ở vào giai đoạn phát triển nào của hình thái xã hội ấy quyết định, là do mâu thuẫn giai cấp sâu sắc gay go đến mức nào quyết định, là do tương quan lực lượng của các giai cấp đã hình thành quyết định, v.v...

Đại biểu các nhà xã hội học và luật học tư sản đem vấn đề hình thức của Nhà nước thay thế cho vấn đề bản chất giai cấp của Nhà nước, như thế là lẫn lộn vấn đề, xóa mờ bản chất giai cấp của Nhà nước. Nhưng, thực tế thì vấn đề bản chất giai cấp của Nhà nước mới là vấn đề chủ yếu, có ý nghĩa quyết định. Muốn hiểu một Nhà nước nào đó và xác định thái độ đúng đắn đối với Nhà nước đó, thì trước hết phải hiểu rõ tính chất giai cấp của Nhà nước ấy, hiểu rõ Nhà nước ấy phục vụ cho giai cấp nào.

Chúng ta không thể bỏ quên thực chất giai cấp của Nhà nước che giấu sau các hình thức quản lý

(1) Lê-nin : « Mác, Ăng-ghe-n và chủ nghĩa Mác ».

khác nhau. Cuộc đấu tranh của các đảng phái trong xã hội thời cổ — giữa phái quý tộc và phái dân chủ ở A-ten, giữa phái cộng hòa và phái quân chủ chuyên chế ở La-mã — chính là cuộc đấu tranh giữa các phái trong nội bộ giai cấp chủ nô. Ở Hy-lạp và La-mã thời cổ, bất cứ phái dân chủ hay phái quý tộc, phái cộng hòa hay phái quân chủ cũng đều nhất trí với nhau không thừa nhận nô lệ là người, và dùng Nhà nước làm lực lượng đàn áp nô lệ.

Phương thức sản xuất nô lệ diệt vong làm cho phương thức sản xuất phong kiến ra đời và Nhà nước phong kiến, Nhà nước của chế độ nông nô thay cho *Nhà nước của chế độ nô lệ*.

Các hình thức *Nhà nước của chế độ nông nô phong kiến* cũng khác nhau. Thông thường thì Nhà nước phong kiến theo chế độ quân chủ, song cũng có chế độ cộng hòa (ở thành thị thương nghiệp); nhưng bản chất của Nhà nước nông nô phong kiến đều như nhau: ở tất cả các nước trong xã hội phong kiến nông nô, Nhà nước đều là công cụ để bắt buộc nông dân phải lao động cho địa chủ bằng thủ đoạn cưỡng bức siêu kinh tế, là công cụ nô dịch và đàn áp nông dân và người thủ công.

Đặc điểm của thời kỳ phát triển đầu tiên của xã hội phong kiến là: sinh hoạt kinh tế hết sức phân tán, thiếu sự liên hệ kinh tế vững chắc. Nhà nước phong kiến là kiến trúc thượng tầng chính trị không khỏi phản ánh tinh chất phân tán ấy của nền kinh tế, và đặc điểm của Nhà nước hồi đó là tình trạng cát cứ về chính trị và chính quyền trung ương yếu ớt. Mỗi chúa phong kiến lớn, không

những bóc lột nông dân, mà còn xét xử trừng phạt nông dân, mỗi chúa phong kiến lớn là một ông vua nhỏ, có bộ đội vũ trang riêng, có những tên đao phủ riêng. « Còn ai có thể bênh vực cho nông dân? Ở tòa án thì đều là bá tước, cha cố, quý tộc hoặc các nhà luật học; bọn này đều hiểu rất rõ tại sao chúng có hồng lộc. Vì tất cả các tầng lớp cầm quyền của đế quốc (Nhà nước do hoàng đế đứng đầu—N.D.) đều sống bằng cách bóc lột nông dân. » (1)

Chế độ ngôi thứ, bậc thang lệ thuộc phức tạp là một trong những đặc điểm của xã hội phong kiến và Nhà nước phong kiến. Cao nhất trên bậc thang ngôi thứ là đầu não của Nhà nước, tức hoàng đế (ở Nga là đại công, về sau là Nga hoàng), dưới có các phiên thần của hoàng đế là: công tước, hầu tước, bá tước, tử tước, nam tước, v.v... Trong nội bộ chế độ ngôi thứ đó có phiên chúa và phiên thần. Mỗi một chúa phong kiến đối với cấp trên mà nói thì là phiên thần, nhưng đối với dưới mà nói thì là phiên chúa. Hoàng đế, đại công hoặc Nga hoàng, đều là chúa phong kiến cao nhất trong đám chúa phong kiến và cũng là phiên chúa cao nhất.

Pháp quyền phong kiến—hoặc theo tập quán hoặc viết thành văn—củng cố và bênh vực quan hệ phong kiến. Sự chênh lệch về tài sản và về giai cấp trong xã hội phong kiến được xác định về pháp luật là sự chênh lệch về ngôi thứ. Pháp

(1) Lê-nin: « Mác, Ăng-ghe-nơ và chủ nghĩa Mác. »

quyền phong kiến nước Pháp công khai bảo vệ đặc quyền của hai ngôi thứ đầu tức là quý tộc và thầy tu, và bắt buộc ngôi thứ thứ ba, trong đó gồm cả giai cấp tư sản mới ra đời, ở vào địa vị không có quyền gì. Quý tộc và thầy tu được miễn mọi thứ thuế khóa và nghĩa vụ, sự thật ấy bộc lộ tính chất giai cấp của Nhà nước và pháp quyền phong kiến.

Thương nghiệp, thủ công nghiệp và thành thị phát triển trong nội bộ xã hội phong kiến. Do đó nảy ra sự cần thiết phải khắc phục hiện tượng cát cứ phong kiến, nhưng chỉ có tăng cường quyền của nhà vua mới có thể làm được việc ấy. Lần lượt ở các nước châu Âu, từ thế kỷ XIV trở đi, đầu tiên xuất hiện hình thức quân chủ đại biểu ngôi thứ của chính quyền trung ương phong kiến mạnh mẽ, rồi sau xuất hiện chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến. Để tự củng cố, chính quyền trung ương chúa phong kiến có lúc thì dựa vào giai cấp tư sản để chống lại chủ phong kiến, có lúc lại dựa vào chúa phong kiến để chống lại giai cấp tư sản mới ra đời. Bọn công tước, bá tước, hầu tước v.v... mất tính chất độc lập của chúng, loại quý tộc phong kiến này dần dần biến thành quý tộc triều đình của triều vua chuyên chế.

Chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, trái với tình trạng cát cứ phong kiến, là một hiện tượng tiến bộ trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử tất cả các nước. Trong lời chúc mừng nhân dịp kỷ niệm 800 năm xây dựng thành phố Mạc-tư-khoa, đồng chí Sta-lin viết:

«Nếu không giải phóng khỏi tình trạng cát cứ phong kiến và tình trạng hỗn loạn của các công quốc, thì bất cứ một nước nào trên thế giới cũng không thể mong giữ vững nền độc lập của mình, cũng không thể mong có một sự phát triển thực sự về kinh tế và văn hóa. Công lao có ý nghĩa lịch sử của Mạc-tư-khoa là ở chỗ trước sau Mạc-tư-khoa vẫn là cơ sở và kẻ phát động thành lập Nhà nước theo chế độ trung ương tập quyền ở Nga.»

Chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, trong khi đóng vai trò công cụ đấu tranh chống cát cứ phong kiến, vẫn bảo vệ cho chúa phong kiến, bảo vệ quyền sở hữu ruộng đất và đặc quyền của chúa phong kiến. Đến thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII khi thế lực kinh tế và ảnh hưởng chính trị của giai cấp tư sản Anh và Pháp bắt đầu đe dọa nền thống trị của chúa phong kiến, thì chính quyền nhà vua ra mặt bảo vệ cho quý tộc chống lại giai cấp tư sản.

Cùng với sự phát triển của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản trở thành giai cấp chiếm địa vị thống trị về kinh tế, tình hình đó không khỏi đưa giai cấp tư sản đến chỗ chiếm địa vị thống trị về chính trị. Giai cấp tư sản đã đạt đến mục đích ấy hoặc trong quá trình làm cách mạng tư sản tương đối triệt để (nước Anh thế kỷ XVII và nước Pháp thế kỷ XVIII) hoặc bằng phương pháp thỏa hiệp chính trị với giai cấp chúa phong kiến (nước Đức năm 1818 — 1870).

Trong quá trình đấu tranh giành chính quyền Nhà nước, hồi thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản đã từng chống lại đặc quyền của chế độ

ngôi thứ phong kiến, và đấu tranh giành tự do dân chủ, giành quyền « bình đẳng » của mọi người trước pháp luật. Giai cấp tư sản mạo nhận lợi ích giai cấp của chúng là lợi ích của toàn dân, của toàn dân tộc. Sở dĩ ảo tưởng ấy có thể duy trì được, là vì lúc ấy không phải một mình giai cấp tư sản, mà toàn thể quần chúng nhân dân bị bóc lột đều yêu cầu xóa bỏ chế độ phong kiến đã lỗi thời. Cách mạng tư sản thắng lợi, kết quả là ách thống trị chính trị của chúa phong kiến và quý tộc được thay thế bằng nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản. *Nhà nước tư sản* thay thế cho *Nhà nước phong kiến*.

Nhưng khi giai cấp tư sản tiêu diệt kiến trúc thượng tầng phong kiến trong lúc làm cách mạng tư sản thì nó lại không đập tan bộ máy *Nhà nước* theo chế độ trung ương tập quyền do quý tộc xây dựng nên, mà chỉ sửa đổi hình thức của nó, làm cho nó thích hợp với nhu cầu của mình, thích hợp với nhiệm vụ củng cố cơ sở xã hội tư bản chủ nghĩa. Sở dĩ giai cấp tư sản có thể lợi dụng bộ máy *Nhà nước* cũ, là vì cách mạng tư sản thực hiện bước quá độ từ một hình thái xã hội kinh tế có tính chất đối kháng này đến một hình thái xã hội kinh tế có tính chất đối kháng khác. Trong tình hình ấy, chỉ có hình thức bóc lột là biến đổi, còn việc bóc lột người lao động thì vẫn tồn tại như cũ.

Mọi hình thức *Nhà nước tư sản* ra đời sau khi lật đổ chính quyền phong kiến — từ chế độ dân chủ cộng hòa đến chế độ quân chủ lập hiến — đều là tổ chức của giai cấp tư sản để đàn áp giai cấp vô sản và nhân dân lao động khác, đều là nền

chuyên chính của giai cấp tư bản. Cũng như Nhà nước phong kiến là kiến trúc thượng tầng chính trị của cơ sở kinh tế phong kiến, Nhà nước tư sản là kiến trúc thượng tầng chính trị của cơ sở kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nhiệm vụ của Nhà nước tư sản và của hiến pháp tư sản là củng cố và bảo vệ cơ sở của chủ nghĩa tư bản : chế độ tư hữu về công cụ sản xuất và tư liệu sản xuất, sự bóc lột đối với giai cấp vô sản, sự thống trị của giai cấp tư sản. Bất cứ kẻ nắm chính quyền là chính đảng tư sản hoặc tiểu tư sản nào, là đảng cộng hòa hay đảng dân chủ, là đảng bảo thủ hay công đảng, là đảng dân chủ cơ đốc, đảng xã hội phải hữu hay đảng phát xít, dù thay đi đổi lại như thế nào nhưng quyền lãnh đạo chính trị (chuyên chính) trong xã hội tư bản vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản. Tình trạng ấy là do quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa chiếm địa vị thống trị quyết định, và do hiến pháp tư sản cùng các thứ pháp luật khác đảm bảo. Hiến pháp và pháp luật tư sản quy định đủ các khoản hạn chế quyền lợi của người lao động (hạn chế về tài sản, hạn chế về nơi ở, hạn chế về tuổi, hạn chế về trình độ giáo dục, tước quyền bầu cử ứng cử của phụ nữ ở nhiều nước tư bản, thu thuế bầu cử ứng cử, v.v...) Nhà nước tư sản gạt bỏ người lao động không cho tham gia có tính chất quyết định vào sinh hoạt chính trị. Sự thống trị của giai cấp tư sản, uy quyền cao nhất của tư bản là do bộ máy Nhà nước chọn lọc một cách đặc biệt đảm bảo ; bộ máy ấy hoạt động bằng bạo lực và lừa gạt, bằng mua chuộc, bằng

các phương tiện tuyên truyền lừa bịp và bằng cả một hệ thống lập pháp tư sản.

Nhà nước tư sản là công cụ áp bức giai cấp, đồng thời cũng là công cụ mà giai cấp tư sản của dân tộc chiếm địa vị thống trị dùng để áp bức và đàn áp dân tộc bị áp bức. Mọi hiến pháp tư sản, hoặc công khai hoặc che dấu, đều lấy sự bất bình đẳng giữa các dân tộc và chủng tộc làm xuất phát điểm, và đều củng cố sự bất bình đẳng đó. Nhà nước đế quốc ở Mỹ buộc hàng triệu người da đen và người Mỹ thuộc dân tộc Sla-vơ và dân tộc Ý phải ở địa vị không có quyền hành gì. Nhà nước đế quốc Anh, Pháp đàn áp và áp bức nhân dân các dân tộc châu Phi và châu Á.

Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản, kể cả những người theo đảng Xã hội cánh hữu, mô tả nền dân chủ tư sản là chính quyền «thuần túy», «siêu giai cấp», «của toàn dân». Họ thường dẫn chứng những điều khoản tự do dân chủ ghi trong hiến pháp tư sản như tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do hội họp, v.v..., thường dẫn chứng sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật. Nhưng, những tự do và quyền bình đẳng ấy chỉ là những lời nói suông trên giấy, sự thật thì chỉ có người giàu mới được hưởng. Giữa công nhân và nhà tư bản, giữa người nghèo và người giàu, giữa những kẻ no nê phê phỡn và những người bụng đói lèp kẹp, có thể có gì là bình đẳng được ? !

Từ lâu, những người theo chủ nghĩa Mác đã vạch rõ tinh chất giả dối của nền dân chủ tư sản. Họ vạch ra rằng: dân chủ tư sản thực tế chỉ là

dân chủ để cho người giàu hưởng; dưới chế độ tư bản, khi số lớn của cải thuộc về một nhóm phú ông, còn giai cấp công nhân thì sa vào cảnh đói rét cùng cực, lao động chân tay nặng nhọc và thất nghiệp, mà nói chuyện bình đẳng thì chẳng qua là lừa gạt và dối trá mà thôi. Lê-nin viết: « Dân chủ cho một số rất ít người, dân chủ cho những kẻ giàu có — đó là chế độ dân chủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa » (1). Trong xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng, không có và không thể có sự bình đẳng về chính trị và xã hội được.

Tự do và quyền lợi trong Nhà nước tư sản có tính chất thuần túy hình thức, giả dối và bịa đặt. Ngay ở những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất, tự do hội họp thực tế cũng chỉ là một câu nói suông, vì tất cả nhà cửa để hội họp đều thuộc về giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản không có nhà cửa của mình, không có thời gian rỗi rãi, vì thế mà dù cho quyền lợi ấy có được ghi trong hiến pháp tư sản đi nữa, thì thực tế giai cấp vô sản cũng đã bị tước bỏ khả năng sử dụng quyền lợi của mình rồi.

Những hành động tàn bạo của bọn ám sát phát xít và thân phát xít như đảng Ku-klúc-klăng và các tổ chức phản động khác ở Mỹ, bọn phi Phơ-răng-cô ở Tây-ban-nha và những bọn côn đồ tương tự như thế ở các nước khác, đã tước mất của công nhân khả năng tự do hội họp và thảo luận các vấn đề chính trị. Công nhân, viên chức, học giả, nhà văn, diễn viên Mỹ, chỉ vì tham gia những cuộc họp

(1) « Lê-nin tuyển tập ».

do Đảng cộng sản và các đoàn thể tiến bộ triệu tập, chỉ vì tuyên truyền, cổ động ủng hộ hòa bình, ủng hộ việc cấm vũ khí nguyên tử mà bị liệt vào danh sách những phần tử nguy hiểm («số đen»), bị mất việc, bị bỏ tù, bị giam vào trại tập trung hoặc bị trục xuất ra khỏi nước. Lê-nin viết: « Khi sự việc còn như thế, thì «bình đẳng» tức «dân chủ thuần túy» chẳng qua chỉ là câu nói lừa người. Muốn có bình đẳng thực sự, muốn thực hiện dân chủ của người lao động trên thực tế thì trước hết phải tước đoạt hết nhà cửa công và nhà cửa tư sang trọng của kẻ bóc lột, trước hết phải làm cho người lao động có thời gian rỗi rãi, phải để công nhân vũ trang bảo vệ quyền tự do hội họp của họ, chứ không phải bọn quan quan của quý tộc hoặc nhà tư bản cùng binh sĩ ngu muội của chúng » (1).

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, tự do xuất bản cũng là một chuyện lừa bịp như vậy. Sự thật thì tự do xuất bản chỉ là tự do của giai cấp tư sản đầu độc ý thức của giai cấp công nhân vì nhà máy in, kho giấy, nhà thông tin đều thuộc quyền sở hữu của giai cấp tư sản.

Công cuộc xuất bản trong xã hội tư sản là một trong những ngành công nghiệp tư bản chủ nghĩa, là công nghiệp để áp bức người lao động về tư tưởng. Moóc-găng, Rốc-cơ-phê-nơ-lơ, La-mông, Hô-vác, Héc-stơ, đó chính là chủ nhân của báo chí Mỹ. Ở các nước tư bản khác việc xuất bản báo chí

(1) Lê-nin: « Đại hội Đại biểu Quốc tế cộng sản lần thứ nhất ».

cũng nằm trong tay giai cấp tư sản. Một số ít báo chí của Đảng cộng sản và một số báo chí của các đoàn thể dân chủ khác là tiếng nói duy nhất của chân lý.

Các chính khách và các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản vẫn khoe khoang lối bầu cử phổ thông, bình đẳng và trực tiếp, nhưng thực tế thì ở tất cả các nước tư bản, lối tuyển cử ấy chỉ là một trong những công cụ để giai cấp tư sản thống trị giai cấp vô sản. Dưới chế độ tư bản, quần chúng lao động không có và không thể có khả năng thực sự tham gia việc quản lý Nhà nước.

Trong tất cả các nước tư bản, chính phủ — mặc dù người ta gọi nó là « dân chủ » như thế nào đi nữa — đều không phải do nhân dân mà do những tổ chức tư bản lũng đoạn, do bọn trùm tư bản cử ra và thay đổi đi. Trong xã hội tư sản, dân chủ là dân chủ tư bản chủ nghĩa nhằm chống lại nhân dân, đàn áp quần chúng nhân dân.

Trong lúc tranh cử, bọn trùm tư bản tung ra những món tiền lớn, bỏ ra hàng triệu đô la. Cả một bộ máy khổng lồ gồm báo chí tư sản, vô tuyến điện, điện ảnh đều được đem ra sử dụng để lừa gạt, mê hoặc cử tri, làm cho họ lạc hướng. Để đảm bảo cho những người ứng cử của giai cấp tư sản thắng phiếu trong các cuộc bầu cử tổng thống hoặc nghị viên quốc hội, tất cả những việc lừa gạt, mua chuộc, ức hiếp, dọa nạt cử tri, công khai dùng bạo lực, dùng khủng bố chống nhân dân lao động (như chống người da đen ở Mỹ) đều được tung ra sử

dụng. Bọn triệu phú Mỹ bỏ tiền ra ủng hộ cả hai đảng, đảng dân chủ và đảng cộng hòa cùng một lúc trong việc tranh cử. Trong hai đảng đó, đảng nào thắng, đảng nào bại thì cũng không thay đổi được tình hình: trường hợp nào thì các tổ chức lũng đoạn vẫn thắng, dù trong ván bài ấy chúng đánh cho Lừa (tượng trưng đảng dân chủ Mỹ) hay đánh cho Voi (tượng trưng đảng cộng hòa).

Tính chất giai cấp bóc lột của dân chủ tư sản biểu hiện ở chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ, và cũng biểu hiện ở thành phần cơ quan đại biểu tức là nghị viện, quốc hội. Ở một nước công nghiệp như nước Mỹ, giai cấp công nhân chiếm đa số nhân khẩu trong toàn quốc, nhưng suốt mấy mươi năm không có đại biểu trong quốc hội, đến khóa 1948—1952 mới có một đại biểu. Thế mà bọn đại tư bản, chiếm một số rất ít trong nhân khẩu nước Mỹ thì lại chiếm địa vị thống trị hoàn toàn trong quốc hội.

« Không có nơi nào mà quyền lực của tư bản, quyền lực của một nhóm triệu phú thống trị cả xã hội lại biểu hiện ra một cách tàn bạo với một sự mua chuộc trắng trợn như ở Mỹ. Tư bản, một khi nó tồn tại là nó thống trị cả xã hội, và không một nước cộng hòa dân chủ nào, không một luật bầu cử nào lại thay đổi được bản chất của sự việc » (1).

Giáo sư Đơ-giem Bo-rít-xơ nói:

« Trên ghế thượng nghị viện Mỹ có rất nhiều người giàu có, trong đó một số người sở dĩ trúng

(1) Lê-nin: « Mác, Ăng-ghe-n và chủ nghĩa Mác ».

cử thượng nghị viện là vì họ giàu có, còn một số người khác sở dĩ trở nên giàu có là vì họ len lỏi được vào thượng nghị viện.»

Trong lần bầu cử quốc hội Pháp năm 1946, Đảng cộng sản chiếm đa số tương đối phiếu, đảng đoàn của Đảng cộng sản trở thành đông nhất trong nghị viện; theo lý mà nói, thì Đảng cộng sản có quyền ưu thế về thành lập chính phủ. Nhưng sự thật thì vì giai cấp tư sản chiếm địa vị thống trị về kinh tế và chính trị, nên theo ý chí của Phổ U-ôn và của 200 gia đình trùm tư bản Pháp, đảng viên cộng sản đã bị gạt ra ngoài chính phủ. Chính phủ tư sản Pháp, giai cấp tư sản Pháp dày xéo lên ý chí của đa số công nhân Pháp một cách trắng trợn, vô sỉ và dè hèn. Miệng thì nói dân chủ, nhưng thực tế thì là chuyên chính tư sản, đó là bộ mặt thật của thứ dân chủ trong các nước tư bản.

Để xuyên tạc và dè nén ý chí của nhân dân hơn nữa, chính phủ tư sản đã thực hiện một thứ chế độ bầu cử gọi là bầu cử theo đa số. Chế độ ấy càng làm cho chúng tha hồ lợi dụng thủ đoạn câu kết lời kéo—liên hiệp danh sách giữa các đảng phái phản động — để giảm bớt số đại biểu của giai cấp công nhân và chính đảng của nó là Đảng cộng sản.

Tính chất giả dối của dân chủ tư sản còn biểu hiện ở chỗ nghị viện tư sản là một cơ quan nói suông, còn tất cả các vấn đề chính trị quan trọng đều quyết định ở ngoài nghị viện: bọn triệu phú, bọn chủ ngân hàng, bọn quản lý sở giao dịch quyết định vấn đề thành phần nội các, bổ nhiệm hoặc cách chức các bộ trưởng, quyết định chính

sách đối nội và đối ngoại của chính phủ, sửa chữa hiến pháp, thông qua các pháp lệnh trong những cuộc hội nghị bí mật của chúng.

Lê-nin viết: «Thế lực của tư bản là tất cả, sở giao dịch là tất cả, còn nghị viện, bầu cử đó chẳng qua chỉ là bù nhìn, là con búp bê mà thôi...»(1)

Do đó chúng ta thấy, mặc dù hình thức Nhà nước tư sản nhiều hình nhiều vẻ nhưng thực chất của nó chỉ là một: chuyên chính tư sản.

Nhưng như thế không có nghĩa là giai cấp công nhân có thể bỏ mặc không cần đếm xỉa gì đến hình thức Nhà nước tư sản. So với chế độ quân chủ phong kiến, thì dân chủ tư sản là một hiện tượng tiến bộ, nó đánh dấu một bước tiến dài trên con đường phát triển chính trị của xã hội. Lê-nin đã nói: «Cộng hòa tư sản, nghị viện và phổ thông đầu phiếu, tất cả những cái đó đứng về mặt phát triển của xã hội trên toàn thế giới mà xét, đều là một tiến bộ lớn. Nhân loại đã tiến lên chủ nghĩa tư bản, và cũng chỉ có chủ nghĩa tư bản nhờ có nền văn hóa thành thị, mới làm cho giai cấp những người vô sản bị áp bức có khả năng nhận thức được địa vị của mình và gây thành phong trào công nhân toàn thế giới, xây dựng nên chính đảng có hàng triệu công nhân trên thế giới ngày nay, tức là Đảng xã hội chủ nghĩa (ngày nay là Đảng cộng sản — Công-stăng-ti-nốp chú thích) tự giác lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Không có chế độ nghị viện, không có chế độ bầu cử, thì giai

(1) Lê-nin: «Mác, Ăng-ghe-n và chủ nghĩa Mác».

cấp công nhân không thể phát triển được như thế». (1)

Cho nên, giai cấp công nhân không phải là thờ ơ với việc Nhà nước tư bản tồn tại dưới hình thức dân chủ tư sản hay dưới hình thức chuyên chính phát xít, công khai khùng bố. Nền chuyên chính phát xít đàn áp mọi tổ chức của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động khác. Giai cấp công nhân có thể lợi dụng và hiện đang lợi dụng Nhà nước cộng hòa theo chế độ nghị viện dân chủ tư sản để tổ chức lực lượng của mình, để tiến hành đấu tranh cách mạng cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cho nền chuyên chính của giai cấp vô sản. Giai cấp công nhân và chính đảng của nó lợi dụng nghị viện tư sản và việc bầu cử nghị viện, trước hết để làm nơi diễn đàn, làm công cụ tuyên truyền và động viên quần chúng tiến hành đấu tranh giai cấp cách mạng công khai ngoài nghị viện.

Tất cả những mâu thuẫn trong xã hội tư bản trở nên sâu sắc, xã hội tư bản thối nát và giai cấp tư sản chuyển từ dân chủ đến phản động, đó là cái mốc đánh dấu thời đại đế quốc chủ nghĩa. Mặt kinh tế biến đổi (sự thống trị của tổ chức lũng đoạn) không thể không làm cho mặt chính trị biến đổi.

« Kiến trúc thượng tầng chính trị xây dựng trên nền kinh tế mới, trên chủ nghĩa tư bản lũng đoạn (chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản lũng

(1) Lê-nin: « Mác, Ăng-ghe-n và chủ nghĩa Mác ».

đoạn) là bước chuyển biến từ dân chủ sang phản động chính trị. Dân chủ thích ứng với tự do cạnh tranh. Phản động chính trị thích ứng với tổ chức lũng đoạn... Trong chính sách đối ngoại cũng như chính sách đối nội, chủ nghĩa đế quốc đều cố sức phá hoại dân chủ, đi tới phản động. Đứng về ý nghĩa này mà nói, thì chủ nghĩa đế quốc là « phủ định » của dân chủ nói chung, của toàn bộ dân chủ, điều đó không ai có thể chối cãi được... » (1)

Sự tập trung của cải quốc gia vào tay một số ít tổ chức tư bản lũng đoạn và uy lực tối cao của tư bản tài chính dẫn đến sự thống trị của bọn trùm tư bản tài chính, dẫn đến chỗ làm cho bộ máy Nhà nước hoàn toàn phục tùng một số ít những tên vua sắt thép, vua dầu hỏa, vua than đá, vua đường sắt, vua công nghiệp điện khí, hóa học, và vua các ngành công nghiệp khác.

Bản thân bọn quản lý của giai cấp tư sản, bọn chủ ngân hàng, bọn trùm công nghiệp càng ngày càng đảm nhiệm những chức vụ quan trọng nhất trong Nhà nước, những chức vụ bộ trưởng. Bọn trùm tư bản trực tiếp (chứ không phải chỉ thông qua bọn đại lý của chúng) quản lý bộ máy Nhà nước, đó là đặc điểm của bộ máy Nhà nước đế quốc chủ nghĩa ngày càng phát xít hóa.

Hiện nay, bộ máy Nhà nước tư sản phát triển thành quy mô càng kèn, hút máu mủ của nhân dân lao động. Việc tăng cường bộ máy Nhà nước tư sản, trước hết có nghĩa là tăng thêm lực quân,

(1) Lê-nin : « Bàn về sự châm biếm chủ nghĩa Mác ».

hải quân, mở rộng cơ quan trinh thám và gián điệp, tăng thêm con số quan lại, cảnh sát và hiến binh, tức là mở rộng những cơ quan đàn áp và bạo lực. Năm 1917 Lê-nin viết: « Đặc biệt là trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại tư bản ngân hàng, thời đại tổ chức tư bản lũng đoạn to lớn, thời đại chủ nghĩa tư bản lũng đoạn chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, thì bất cứ ở nước theo chế độ quân chủ hay ở nước theo chế độ cộng hòa tự do nhất, « bộ máy Nhà nước » đều được tăng cường khác thường, các cơ quan quan liêu, quân sự to phình hơn bao giờ hết, vì phải tăng cường đàn áp giai cấp vô sản » (1).

Ngày nay, vì mâu thuẫn giai cấp thêm sâu sắc, vì chuẩn bị và phát động chiến tranh đế quốc, nên cả đến dân chủ tư sản sứt mẻ, có hạn và giả dối, giai cấp tư sản cũng vứt hết và đi tới chủ nghĩa phát xít. *Nền chuyên chính phát xít* là nền chuyên chính khủng bố của tập đoàn quân phiệt, só-vanh, phản động nhất của giai cấp tư sản đế quốc, là nền chuyên chính đàn áp hết mọi tự do dân chủ.

Chủ nghĩa phát xít xuất hiện trong thời đại tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, đó không phải là một việc ngẫu nhiên. Lúc ấy, chế độ tư bản bị lung lay đến tận gốc, giai cấp tư sản không còn duy trì nổi nền thống trị của chúng bằng phương pháp dân chủ tư sản nữa. Từ dân chủ tư sản chuyển đến chuyên chính công khai, khủng bố tức là chuyển sang chủ nghĩa phát xít, điều đó tỏ

(1) « Lê-nin văn tuyển »

rằng chủ nghĩa tư bản đã yếu ớt, lung lay và thối nát, chứng minh giai cấp tư sản không thể dùng phương pháp cũ để thống trị được nữa. Trong điều kiện mâu thuẫn giai cấp thêm gay gắt, giai cấp tư sản đã vứt bỏ tấm màn dân chủ che đậy cho nền chuyên chính của chúng, đã thủ tiêu quyền dân chủ tối thiểu, đi theo con đường công khai khủng bố, thẳng tay đàn áp giai cấp công nhân, chính đảng của giai cấp công nhân và những người hoạt động tiến bộ.

Việc giai cấp tư sản chuyển sang nền chuyên chính phát xít, trước hết phát sinh trong những nước tư bản mà mâu thuẫn giai cấp gay gắt và sâu sắc nhất, trong những nước mà giai cấp tư sản đế quốc thực hành một chính sách đối ngoại hiếu chiến nhất, hòng giải quyết hay xóa nhòa những mâu thuẫn ấy bằng cách gây chiến tranh đế quốc. Tình hình ở nước Ý năm 1922, ở nước Đức năm 1933, ở Tây-ban-nha năm 1937, và sau này ở các nước tư bản khác đều như thế.

Ngày nay, ở Mỹ và nhiều nước đế quốc khác, Nhà nước ngày càng phát xít hóa, trước hết là để phục vụ cho bọn tư bản lũng đoạn các nước ấy chuẩn bị chiến tranh thế giới thứ ba, chuẩn bị chiến tranh tấn công Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân. Báo chí làm thuê ở các nước tư bản càng hò hét bảo vệ dân chủ, phản đối « chủ nghĩa cực quyền » bao nhiêu thì trên thực tế Nhà nước đế quốc càng tiến gần tới chủ nghĩa phát xít, càng biến thành Nhà nước cảnh sát bấy nhiêu.

Ở Mỹ, giai cấp tư sản càng ngày càng dùng Nhà nước để hạn chế quyền lợi của giai cấp công nhân, để truy nã Đảng cộng sản và các đoàn thể tiến bộ khác. Mỹ đặt một lưới đặc vụ rộng lớn, ở Mỹ những việc khiêu khích và truy tố thịnh hành hơn bao giờ hết, Mỹ thực hành lối bắt buộc những người có tư tưởng tiến bộ phải ghi tên vào sổ, bắt họ lặn tay như những phạm nhân tội hình. Tất cả những người có tư tưởng tiến bộ đều bị gạt ra khỏi cơ quan Nhà nước. Những đội khủng bố có vũ khí của bọn Ku-klúc-klăng và những bọn phản tương tự như thế đi giải tán những cuộc hội họp của nhân dân lao động, dùng bạo lực đàn áp phong trào bãi công của công nhân, phá hủy trụ sở của Đảng cộng sản, hãm hại những người trung thực có tư tưởng tiến bộ và không bị báo chí phản động đầu độc.

Ở Mỹ đang thi hành chính sách áp bức và khủng bố dân tộc, chủng tộc đối với người da đen, người Anh - diêng và các dân tộc khác giống như trước đây nước Đức đã giết hại người Do - thái. Chủ nghĩa chống Do-thái, tư tưởng phân biệt dân tộc và phân biệt chủng tộc, đang lan tràn khắp nước. Nhà nước dân chủ tư sản ở Mỹ đang biến thành nền chuyên chính phát xít khủng bố khoác áo « dân chủ », với một tốc độ rất nhanh.

Tập đoàn thống trị nước Mỹ hiện nay là trùm phe đế quốc phản động toàn thế giới ; để bóp chết phong trào công nhân cách mạng và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức, chúng không những nâng đỡ mà còn dựng

lên chế độ phản động phát xít hoặc nửa phát xít ở tất cả các nước tư bản.

Kinh nghiệm lịch sử chứng minh rằng chỉ có ở những nước mà giai cấp công nhân chia rẽ, và một số công nhân đi theo những kẻ phản bội lại giai cấp công nhân tức là bọn Xã hội cánh hữu, thì giai cấp tư sản mới có thể thủ tiêu quyền dân chủ và lập nền chuyên chính phát xít. Nếu giai cấp công nhân đoàn kết nhất trí và tổ chức lại thì có thể dừng cuộc đấu tranh cách mạng của mình mà ngăn cản việc thành lập nền chuyên chính phát xít.

Hiện nay, nhiệm vụ quan trọng nhất của giai cấp công nhân và chính đảng Mác-xít của nó ở các nước tư bản là đoàn kết và động viên mọi lực lượng tiến hành đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa phát xít. Bọn Xã hội cánh hữu là chướng ngại vật trên con đường đi của giai cấp công nhân. Bọn thủ lĩnh của đảng Xã hội cánh hữu chia rẽ giai cấp công nhân, làm suy yếu lực lượng của giai cấp công nhân, và do đó dọn đường cho chủ nghĩa phát xít. Và khi bọn Xã hội cánh hữu nắm chính quyền thì chúng cũng dùng lực lượng võ trang giết hại công nhân cách mạng chẳng kém gì bọn phát xít. Nhiều bộ trưởng « đảng viên Xã hội » ở nhiều nước tư bản hạ lệnh bắn giết công nhân, sự thật này có thể chứng minh điếm ấy.

Tiền bối của bọn lãnh tụ đảng Xã hội cánh hữu tức là bọn thủ lĩnh Đệ nhị quốc tế, ngoài miệng thì thừa nhận học thuyết về Nhà nước của chủ nghĩa Mác, nhưng trên thực tế thì lại giả mạo và

tầm thường hóa học thuyết ấy, vứt bỏ nội dung chủ yếu của nó là thừa nhận cần phải đập tan bộ máy Nhà nước tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản. Ngày nay, bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu công nhiên hoàn toàn vứt bỏ chủ nghĩa Mác, đặc biệt là vứt bỏ học thuyết về Nhà nước của chủ nghĩa Mác. Chúng tuyên bố một cách vô liêm sỉ rằng học thuyết của Mác — Ăng-ghen về Nhà nước, về chuyên chính vô sản là học thuyết đã lỗi thời, chúng tuyên truyền luận điệu Nhà nước có tính chất « siêu giai cấp », một luận điệu phản động nhất của giai cấp tư sản. Chúng không kêu gọi giai cấp công nhân đập tan và tiêu diệt bộ máy Nhà nước tư sản, mà lại kêu gọi công nhân dùng quyền phổ thông đầu phiếu để « nắm lấy » bộ máy ấy « một cách hòa bình ».

Nhưng giai cấp công nhân càng ngày càng nhận rõ mối liên hệ nội tại chặt chẽ giữa sự áp bức kinh tế của tư bản với công cụ chính trị của giai cấp tư sản dùng để áp bức người lao động tức là Nhà nước tư sản.

Đứng về mặt một chế độ kinh tế và xã hội mà xét, thì chủ nghĩa tư bản đã trở thành phản động, đã tàn tạ hấp hối từ lâu. Nhưng sở dĩ nó còn có thể kéo dài thêm hơi thở cuối cùng, tiếp tục tồn tại trên một phần lớn trái đất, trước hết và chủ yếu là do giai cấp tư sản dùng bạo lực chính trị mà Nhà nước thi hành, và do giai cấp tư sản cùng tay chân của chúng trong phong trào công nhân áp bức và lừa gạt giai cấp vô sản về mặt tinh thần.

Nhà nước tư sản là lực lượng bệnh vực cho

chế độ tư bản thối nát. Khi người lao động đấu tranh với bọn gây chiến để bảo vệ lợi ích kinh tế hoặc quyền lợi dân chủ cơ bản của mình như quyền bãi công, quyền hội họp, quyền biểu tình thị uy, v.v.... thì tất nhiên sẽ xảy ra xung đột với thể lực chính trị tập trung của giai cấp tư sản thể hiện trong bộ máy Nhà nước tư sản. Vì thế mà cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của chính đảng mác-xít nhất định phải tuôn ra thành cuộc đấu tranh lật đổ nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản, tiêu diệt bộ máy Nhà nước tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản.

Nếu không tiêu diệt kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa và trước hết là tiêu diệt Nhà nước tư sản, thì giai cấp công nhân không thể vươn mình lên được, không thể vùng lên được, không thể được giải phóng. Toàn bộ bộ máy Nhà nước tư sản, từ trên xuống dưới đều thích ứng với việc một số ít người bóc lột áp bức và đàn áp số đông người bị bóc lột. Cho nên, giai cấp công nhân không thể lợi dụng bộ máy Nhà nước của giai cấp tư sản, mà cần phải đập tan, tiêu diệt Nhà nước ấy, và xây dựng lên Nhà nước vô sản của mình, một Nhà nước theo kiểu mới, thay thế cho Nhà nước tư sản.

5. — CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN LÀ NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiêu diệt nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản và xây dựng

nền thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Nó đặt cơ sở cho Nhà nước kiểu mới, Nhà nước này khác hẳn tất cả những Nhà nước trước kia. Nhà nước ấy là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, vì nó là công cụ phục vụ cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, là kiến trúc thượng tầng trên cơ sở xã hội chủ nghĩa. Xét về nội dung giai cấp thì Nhà nước ấy là nền chuyên chính của giai cấp công nhân, nó biểu hiện giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội về mặt Nhà nước.

X Cách mạng xã hội chủ nghĩa và Nhà nước vô sản ra đời, đánh dấu một sự biến đổi sâu sắc nhất trong lịch sử toàn thế giới. Giai cấp vô sản giành được chính quyền, tức là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp bị bóc lột bước lên địa vị thống trị về chính trị. Lần đầu tiên trong lịch sử, Nhà nước bắt đầu không phục vụ cho tình trạng người bóc lột người, mà phục vụ cho việc tiêu diệt tình trạng ấy.

Chuyên chính vô sản là công cụ của cách mạng vô sản, là trụ cột chủ yếu của cách mạng vô sản. Nếu giai cấp vô sản không xây dựng nền chuyên chính cách mạng của mình, thì không thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình là lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền chuyên chính ấy hết sức cần thiết để trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản, củng cố thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiến hành cuộc cách mạng ấy đến cùng, tức là đến khi chủ nghĩa cộng sản thắng lợi triệt để.

Nền chuyên chính vô sản không phải ra đời trên cơ sở phát triển hòa bình, tiến hóa của chế độ tư sản cũ, mà ra đời trên cơ sở dùng cách mạng phá tan chế độ ấy. Xây dựng chuyên chính vô sản tuyệt nhiên không giống như thay đổi nhân viên chính phủ, cải tổ « nội các » một cách giản đơn. Chủ nghĩa Mác Lê-nin đã vạch mặt sự phản bội của bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu : chúng sợ chuyên chính vô sản, nên gọi việc giai cấp vô sản giành chính quyền là cải tổ « nội các ». Kinh nghiệm lịch sử chứng minh : cái gọi là chính phủ « xã hội chủ nghĩa » (như chính phủ Công đảng Anh, chính phủ đảng Xã hội dân chủ Phần-lan) cầm chính quyền, tuyệt nhiên không bao giờ thực sự thay đổi được Nhà nước tư sản và chính sách của Nhà nước ấy. Những chính phủ như thế vẫn là công cụ trong tay giai cấp tư sản như cũ. Chỉ có lật đổ chính quyền tư sản, tước đoạt giai cấp tư sản, đập tan bộ máy Nhà nước cũ, và xây dựng Nhà nước vô sản mới, thì mới có thể đảm bảo được nền thống trị chính trị của giai cấp vô sản.

Chuyên chính vô sản là Nhà nước kiểu mới. Nội dung giai cấp, hình thức tổ chức, sứ mệnh lịch sử, tác dụng của nó trong sự phát triển của xã hội và do đó cả chức năng của nó đều khác với những Nhà nước trước kia.

Khác với những Nhà nước trước kia, chức năng của chuyên chính vô sản không phải chỉ hạn chế ở bạo lực. Bản thân chuyên chính vô sản có ba mặt liên hệ với nhau, những mặt ấy quyết định nội dung giai cấp và sứ mệnh lịch sử của nó :

|| « 1) Dùng chính quyền vô sản để trấn áp kẻ

bóc lột, bảo vệ quốc gia, củng cố mối liên hệ với những người vô sản các nước khác, đảm bảo cách mạng tất cả các nước trên thế giới phát triển và thắng lợi.

2) Dùng chính quyền vô sản để làm cho quần chúng lao động bị bóc lột hoàn toàn tách rời giai cấp tư sản, để củng cố khối liên minh giữa giai cấp vô sản và số quần chúng ấy để thu hút họ tham gia sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, và để đảm bảo cho giai cấp vô sản lãnh đạo họ bằng Nhà nước.

3) Dùng chính quyền vô sản để tổ chức chế độ xã hội chủ nghĩa, tiêu diệt giai cấp, chuyển sang xã hội không có giai cấp... » (1)

Chuyên chính vô sản là sự thống nhất không thể tách rời của ba mặt nói trên; thiếu một mặt nào trong đó cũng không thể nghĩ đến việc xây dựng chuyên chính vô sản trong một nước ở vào hoàn cảnh bị chủ nghĩa tư bản bao vây. Chỉ có kết hợp cả ba mặt ấy, mới có thể có được khái niệm chuyên chính vô sản toàn vẹn.

Song quan hệ giữa ba mặt của chuyên chính vô sản không phải không thay đổi. Chuyên chính vô sản bao trùm cả một thời đại lịch sử, và trong những giai đoạn phát triển khác nhau của chuyên chính vô sản, hoặc mặt này hay mặt nọ của nó được đưa lên hàng đầu.

Mặt thứ nhất của chuyên chính vô sản xác định sứ mệnh lịch sử của nó trong cuộc đấu tranh chống

(1) Sta-lin: « Vấn đề chủ nghĩa Lê-nin ».

giai cấp bóc lột và Nhà nước của chúng, mặt này chủ yếu biểu hiện tác dụng bạo lực của chuyên chính vô sản, có tác dụng ấy là vì cần phải trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột. Chuyên chính vô sản ra đời và được củng cố trong quá trình đấu tranh giai cấp tàn khốc chống giai cấp bóc lột đã bị lật đổ trong nước và chống các nước tư bản bên ngoài nâng đỡ chúng.

Tất cả những Nhà nước trước kia đều đại biểu cho nền chuyên chính của số ít kẻ bóc lột đối với số đông người bị bóc lột. Trái lại, chuyên chính vô sản là chuyên chính của số đông người bị bóc lột đối với số ít kẻ bóc lột. Đó là một trong những điểm khác nhau về nguyên tắc giữa chuyên chính vô sản và tất cả các Nhà nước của giai cấp bóc lột trước kia và ngày nay.

Mặt thứ nhất của chuyên chính vô sản, ngoài việc biểu hiện nhiệm vụ của Nhà nước vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp bóc lột và Nhà nước của chúng ra, còn gồm cả việc giai cấp công nhân dùng chính quyền Nhà nước của mình để củng cố mối liên hệ với những người lao động các nước khác, giúp đỡ họ trong công cuộc phá bỏ xiềng xích của chủ nghĩa tư bản. Thực hiện nhiệm vụ ấy thì củng cố được trận địa của những người lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Không có mặt bạo lực thì không thể có chuyên chính vô sản. Nhưng, không những không thể coi bạo lực là đặc trưng duy nhất của chuyên chính vô sản, mà còn không thể coi đó là đặc trưng chủ

yếu. Chuyên chính vô sản không những có nghĩa là bạo lực đối với kẻ bóc lột, mà còn có nghĩa là sự lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với quần chúng lao động không phải vô sản. Mặt thứ hai của chuyên chính vô sản biểu hiện tác dụng lãnh đạo ấy của giai cấp công nhân, và xác định sự mệnh của nó đối với quần chúng lao động không phải vô sản, trước hết là đối với nông dân.

Lê-nin đã phát triển tư tưởng của Mác — Ăng-ghen về chuyên chính vô sản, xuất phát từ vấn đề hạn chế quyền của giai cấp vô sản để nói rõ công thức chuyên chính vô sản. Lê-nin dạy chúng ta rằng: « Chuyên chính vô sản là hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản tức là đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động không phải vô sản (giai cấp tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v...) hoặc với đa số người trong những tầng lớp ấy liên minh chống tư bản, liên minh nhằm mục đích hoàn toàn lật đổ tư bản và triệt để đàn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản và mưu mô phục hồi của chúng, liên minh để cuối cùng xây dựng xong và củng cố chủ nghĩa xã hội » (1).

Theo lời Lê-nin, thì nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là thực hiện liên minh giữa

(1) Lê-nin: Tựa đề xuất bản bài diễn văn « Bàn về vấn đề dùng khẩu hiệu tự do bình đẳng để lừa gạt nhân dân ».

giai cấp vô sản và nông dân lao động, đó là liên minh trong đó giai cấp vô sản có thể giữ vững được vai trò lãnh đạo và chính quyền Nhà nước, hướng xã hội phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

Khối liên minh công nông đại biểu cho tuyệt đại đa số người trong xã hội, nó là lực lượng làm cho nước ta có thể chiến thắng được sự phản kháng của giai cấp bóc lột, lật đổ chế độ tư bản đã thối nát và củng cố chế độ mới, xã hội chủ nghĩa xò viết.

Trong cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột, giai cấp vô sản đại biểu cho lợi ích chung và căn bản của toàn thể những người lao động và những người bị bóc lột. Vì thế, giai cấp vô sản có thể làm cho những tầng lớp lao động trong giai cấp tiểu tư sản xa rời giai cấp tư sản, có thể xây dựng khối liên minh vững chắc với họ và đảm bảo dần dần thu hút họ tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.. Quần chúng lao động hết sức đồng đạo ủng hộ Nhà nước vô sản, đó là một trong những điểm khác nhau về nguyên tắc giữa Nhà nước vô sản và hết thảy Nhà nước của giai cấp bóc lột.

Mặt thứ ba của nền chuyên chính vô sản xác định tác dụng của nó trong việc cải tạo toàn bộ xã hội. Nó tỏ rõ chuyên chính vô sản là đòn xeo cần thiết trong lịch sử để thực hiện cải tạo kinh tế, cải tạo mọi quan hệ xã hội và cải tạo văn hóa theo hướng xã hội chủ nghĩa, là công cụ để cải tạo tư tưởng quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa xã hội,

là công cụ để tiêu diệt giai cấp và xây dựng xã hội cộng sản không giai cấp.

Khác với những Nhà nước trước kia, Nhà nước xã hội chủ nghĩa không những giúp đỡ cho cơ sở của mình hình thành và củng cố, mà còn là công cụ để xây dựng cơ sở của mình nữa. Vai trò đặc biệt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong công cuộc cải tạo chế độ kinh tế của xã hội là do hai tình hình dưới đây quyết định: 1) Cách mạng vô sản mà chuyên chính vô sản là công cụ nhằm mục đích tiêu diệt mọi chế độ người bóc lột người, còn tất cả những cuộc cách mạng trước kia chỉ dẫn đến chỗ thay đổi chế độ bóc lột này bằng chế độ bóc lột khác; 2) Cách mạng vô sản bắt đầu trong điều kiện chưa có hoặc hầu như chưa có kết cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa với hình thức có sẵn. Cách mạng xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ khi giai cấp vô sản cướp được chính quyền Nhà nước, và dùng chính quyền Nhà nước làm đòn xoay trong việc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa mới. Vì thế, sứ mệnh của Nhà nước vô sản là phải có tác dụng sáng tạo vĩ đại trong công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tác dụng ấy của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, đã được nói rõ trong nghị quyết của Đảng: « Nhà nước xô viết là hình thức tổ chức công tác toàn diện nhất, rộng rãi nhất; trong thực tế nó thực hiện công cuộc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản và ngày càng thu hút rộng rãi quần chúng nông dân tham gia công tác ấy. Mặt khác, Nhà nước xô viết lại là tổ chức công tác có mọi phương tiện vật chất để củng cố. Nhà nước

xô viết là nền chuyên chính vô sản, đồng thời lại là cái đòn xeo trong việc cải tạo kinh tế» (1).

Sở dĩ Nhà nước vô sản có thể hoàn thành tác dụng kinh tế của mình một cách thuận lợi, là vì nó dựa vào quy luật quan hệ sản xuất nhất định phải thích hợp với tính chất của sức sản xuất. Quy luật ấy đòi hỏi phải tiêu diệt quan hệ sản xuất cũ, tư bản chủ nghĩa, và xây dựng quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa, với vai trò kiến trúc thượng tầng chính trị, ra đời khi chưa có sẵn cơ sở xã hội chủ nghĩa. Nhưng Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời biểu hiện sự cần thiết về kinh tế phải chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Mà sự cần thiết ấy là do quy luật khách quan quan hệ sản xuất nhất định phải thích hợp với tính chất của sức sản xuất quyết định. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ phục vụ cho việc thực hiện sự thích hợp ấy. Lúc đầu Nhà nước xã hội chủ nghĩa dựa vào kết cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa được xây dựng nên bằng cách quốc hữu hóa công nghiệp, ngân hàng và vận tải của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ quá độ, kết cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển và củng cố, nó là cơ sở kinh tế của chính quyền mới. Việc chuyển từ nền kinh tế quá độ gồm nhiều kết cấu kinh tế sang nền kinh tế xã hội chủ nghĩa duy nhất, đánh dấu sự hình

(1) « Những nghị quyết và quyết định của các cuộc đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu và hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô ».

thành và sự thắng lợi hoàn toàn của cơ sở xã hội chủ nghĩa mới. Kết quả của thắng lợi ấy làm cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa phát triển thêm một bước: chức năng và hình thức của nó đã biến đổi, dân chủ mới tức là dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phát triển đầy đủ.

Do đó thấy rằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước kiểu mới, có tác dụng đặc biệt trong công cuộc cải tạo chế độ kinh tế của xã hội, đồng thời Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng phát triển trên cơ sở những biến đổi của chế độ kinh tế và phản ánh đặc điểm của chế độ kinh tế ấy.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là phản ánh của chế độ kinh tế mới của xã hội, nó thể hiện những đặc điểm của Nhà nước vô sản, Nhà nước kiểu mới.

Nhà nước vô sản là do quần chúng lao động tự xây dựng nên. Lê-nin vạch ra rằng: khác với Nhà nước phong kiến do mấy trăm người có của xây dựng nên và khác với Nhà nước tư sản do mấy nghìn và mấy vạn người có của xây dựng nên, xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xây dựng lên với điều kiện là hàng chục triệu người lao động tích cực và trực tiếp tham gia việc quản lý Nhà nước.

Chuyên chính vô sản là kiểu dân chủ cao nhất trong xã hội có giai cấp, nó là dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại biểu cho lợi ích của quần chúng nhân dân, hoàn toàn trái hẳn với dân chủ tư sản đại biểu cho lợi ích của một nhóm người bóc lột.

Chuyên chính vô sản là Nhà nước chuyên chính theo lối mới và dân chủ theo lối mới. Giai cấp công nhân trấn áp các giai cấp bóc lột chiếm số

rất ít trong nhân dân và đảm bảo dân chủ cho nhân dân lao động chiếm tuyệt đại đa số trong nhân dân.

920
(1) | Vì thế, việc xây dựng chuyên chính vô sản chứng tỏ dân chủ được mở rộng rất nhiều, chứng tỏ dân chủ vô sản thay thế cho dân chủ tư sản giả dối và bị hạn chế; dân chủ vô sản đảm bảo quyền lợi chính trị hết sức rộng rãi cho nhân dân lao động, tức là lúc đầu cho đại đa số người, rồi sau (sau khi đã tiêu diệt giai cấp bóc lột) cho tất cả mọi người. Lê-nin viết : « Đấy đúng là một trong những trường hợp « lượng biến thành chất » : Một khi chế độ dân chủ đã thực hiện đến trình độ hoàn toàn nhất, triệt để nhất, mà nói chung có thể nghĩ tới được, thì nó sẽ biến từ chế độ dân chủ tư sản thành chế độ dân chủ vô sản... » (1).

Dân chủ vô sản, xã hội chủ nghĩa sơ dĩ là dân chủ kiểu mới, cao nhất, còn là vì nó chấm dứt tình trạng tách rời giữa việc tuyên bố quyền dân chủ và tự do dân chủ với việc thực sự thực hiện những thứ ấy. Năm 1918, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang xô viết Nga, không những đã tuyên bố quyền dân chủ và tự do dân chủ mà còn quy định những đảm bảo vật chất để thực hiện những thứ ấy. Đặc điểm ấy của dân chủ xã hội chủ nghĩa lại được phát triển thêm trong Hiến pháp Liên-xô năm 1936. Nó không những tuyên bố một cách giản đơn toàn dân bình đẳng về quyền lợi, mà còn đảm bảo quyền bình đẳng ấy bằng

(1) « Lê-nin văn tuyển ».

cách dùng thủ tục lập pháp ghi lại một sự thật là mọi công dân đều thoát khỏi mọi sự bóc lột. Nó không những tuyên bố một cách giản đơn quyền lao động, mà còn đảm bảo quyền ấy bằng cách dùng thủ tục lập pháp ghi lại một sự thật là xã hội xô viết không có khủng hoảng, hiện tượng thất nghiệp đã bị tiêu diệt. Vì thế, dân chủ của Hiến pháp Liên-xô là dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo cho nhân dân tự do thoát khỏi bóc lột, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, thoát khỏi thất nghiệp, thoát khỏi nghèo khổ. Chính những tự do ấy mà dân chủ tư sản không đem lại và không thể đem lại cho nhân dân, là cơ sở của những tự do khác. Dân chủ xã hội chủ nghĩa phản ánh chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa trong đó không có hiện tượng người bóc lột người, nó là kiểu dân chủ cao nhất.

Pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng ra đời cùng một lúc với Nhà nước kiểu mới, Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là pháp quyền kiểu mới, cao nhất, nó khác về nguyên tắc với pháp quyền tư sản.

Kẻ thù của Nhà nước xô viết nói liều rằng : chuyên chính của giai cấp công nhân phủ nhận pháp quyền, dùng bạo lực đơn thuần thay cho pháp quyền. Những lời nói xấu ngu ngốc ấy chẳng qua chỉ chứng minh rằng vì tính chất mù quáng, độc ác, ngu xuẩn của giai cấp chúng, nên chúng lẫn lộn làm một tất cả mọi thứ pháp quyền với pháp quyền tư sản. Thực tế thì sau khi giai cấp công nhân đã thắng lợi và nắm được chính quyền thì phá bỏ pháp quyền tư sản cũ, xóa bỏ pháp chế

cũ, và thay vào bằng pháp quyền mới, xã hội chủ nghĩa, bằng pháp chế mới, cách mạng.

Trái với pháp quyền tư sản đại biểu cho ý chí của số ít người bóc lột, pháp quyền xã hội chủ nghĩa xô viết trong những quy định về pháp luật của nó, đại biểu cho ý chí của giai cấp công nhân (lãnh tụ và đại biểu của toàn thể những người lao động) là người nắm chính quyền, tức là lúc đầu đại biểu cho ý chí và lợi ích của đại đa số người, và sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi thì đại biểu cho ý chí và lợi ích của toàn thể nhân dân Liên-xô. Pháp quyền xô viết là vũ khí sắc bén để đấu tranh cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Sự khác nhau căn bản giữa Nhà nước vô sản, Nhà nước kiểu mới, với tất cả những Nhà nước trước kia, giữa pháp quyền xã hội chủ nghĩa với tất cả những loại pháp quyền khác, cũng biểu hiện ở vận mệnh lịch sử của nó. Tất cả những Nhà nước trước kia khi ra đời thì thúc đẩy cho xã hội phát triển tiến bộ, nhưng sau lại trở thành chướng ngại vật của sự phát triển; những Nhà nước ấy củng cố nền thống trị của các giai cấp bóc lột, mà những giai cấp bóc lột ấy về sau không khỏi trở thành giai cấp thối nát. Cách mạng nổ ra, kết quả là những Nhà nước ấy nhất định bị tiêu diệt bằng bạo lực. Trái lại, Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa không trở thành trở ngại cho sự phát triển của xã hội, và không bị tiêu diệt bằng bạo lực. Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa là lực lượng tiến bộ vĩ đại thúc đẩy xã hội phát triển và

đảm bảo cho chủ nghĩa cộng sản được hoàn toàn thắng lợi. Khi nào Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, khi nào sự phân chia xã hội thành giai cấp và sự đấu tranh giai cấp đã trở thành quá khứ, khi nào chủ nghĩa tư bản bị tiêu diệt và chủ nghĩa cộng sản được xây dựng trên tất cả các nước, thì khi đó Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa sẽ dần dần mất đi.

6. – HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Hình thức tổ chức chính trị mới của xã hội thích ứng với nội dung giai cấp mới của Nhà nước vô sản.

Năm 1871, khi giai cấp công nhân Pa-ri anh dũng thí nghiệm lần đầu việc thành lập nền chuyên chính vô sản, họ đã dùng sáng kiến có tính chất sáng tạo của quần chúng vô sản cách mạng để lập ra hình thức tổ chức chính quyền mới, cao hơn chế độ nghị viện của giai cấp tư sản. Công xã Pa-ri đã phế bỏ quân đội cũ và thay thế bằng nhân dân vũ trang, phế bỏ quan lại cũ và thay thế bằng những nhân viên công vụ có trách nhiệm trước nhân dân, được bầu cử ra và có thể bãi miễn. Công xã Pa-ri dùng những cơ quan đại biểu hoạt động thực sự để thay thế cho nghị viện là cơ quan nói suông của Nhà nước tư sản. Khi đánh giá ý nghĩa của sự cải tạo ấy, Mác đã kết luận rằng: Công xã Pa-ri 1871 chính là tổ chức Nhà nước kiểu mới.

Nhưng kết luận của Mác về vấn đề công xã là hình thức tổ chức Nhà nước mới nhờ đó mà có thể chuyển sang chủ nghĩa xã hội, kết luận ấy không được phát triển thêm trong các tác phẩm khác và bị bỏ quên đi. Trong những năm 90 thế kỷ thứ XIX, khi Ăng-ghe-n phê phán bản dự thảo cương lĩnh Et-fua của đảng Xã hội dân chủ Đức, Người đã phát biểu ý kiến cho rằng nước cộng hòa dân chủ là « hình thức đặc biệt của chuyên chính vô sản ». Đương nhiên, Ăng-ghe-n nói ở đây không phải là nước cộng hòa theo chế độ nghị viện của giai cấp tư sản, mà là nước cộng hòa theo chế độ nghị viện với một nội dung giai cấp mới. Năm 1894 Ăng-ghe-n viết: « Đối với giai cấp vô sản mà nói, thì sự khác nhau giữa nước cộng hòa và nước quân chủ chỉ ở chỗ nước cộng hòa là một hình thức chính trị có sẵn đối với sự thống trị tương lai của giai cấp vô sản... Nhưng nước cộng hòa cũng giống như mọi hình thức quản lý quốc gia khác, là do nội dung của nó quyết định; khi nó còn là hình thức của dân chủ tư sản, thì nó cũng thù ghét chúng ta như bất cứ một chế độ quân chủ nào. (Nếu gạt bỏ không nói tới *hình thức* biểu hiện sự thù ghét ấy) » (1).

Khi Lê-nin chưa kết luận về hình thức tổ chức chính trị thích hợp nhất của xã hội trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, thì nguyên lý của Ăng-ghe-n về vấn đề Nhà nước cộng hòa dân chủ là hình thức chuyên chính

(1) Ăng-ghe-n: « *Thư gửi La Phác-gơ ngày 6-3-1894* ».

của giai cấp vô sản, được coi là nguyên lý mà mọi người mác-xít đều thừa nhận. Lê-nin tổng kết kinh nghiệm cách mạng năm 1905 và cách mạng tháng 2 năm 1917, thấy rằng: hình thức xô viết mà công nhân nước Nga sáng lập ra với tinh thần sáng tạo đầu tiên là hình thức Nhà nước chuyên chính vô sản. Lê-nin đã phát triển chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo và rút ra kết luận: hình thức tốt nhất của chuyên chính vô sản không phải là Nhà nước cộng hòa theo chế độ nghị viện, mà là Nhà nước cộng hòa xô viết. Nhà nước cộng hòa xô viết là hình thức chính trị mà ta đi tìm và rút cục đã tìm thấy, trong khuôn khổ của hình thức chính trị ấy ta đã hoàn thành việc giải phóng cho giai cấp vô sản về mặt kinh tế và giành được thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Một trong những điều kiện quan trọng nhất làm cho Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại thắng lợi là: giai cấp công nhân đã thành lập xô viết đại biểu công nhân, Đảng cộng sản đã đánh giá đầy đủ ý nghĩa của sáng kiến có tính chất sáng tạo ấy của công nhân Nga và đã mở rộng cuộc đấu tranh giành toàn bộ chính quyền vào tay xô viết. Rất chắc chắn là nếu giai cấp vô sản dựa vào bộ máy Nhà nước cũ chỉ thích hợp để áp bức nhân dân thì không giữ vững được chính quyền, mà bộ máy mới cũng không thể xây dựng ngay được.

Đặc điểm của xô viết trước hết là ở chỗ nó là tổ chức Nhà nước có tính chất quần chúng nhất và dân chủ nhất trong tất cả những tổ chức Nhà nước có thể có trong xã hội có giai cấp. Trước

khi trở thành tổ chức Nhà nước, thì xô viết đã là cơ quan đấu tranh cách mạng đoàn kết quần chúng lao động đông đảo dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Sức mạnh của xô viết là ở chỗ: 1) nó là một tổ chức quần chúng rộng rãi nhất, bao gồm được tất cả giai cấp vô sản; — 2) nó là tổ chức quần chúng duy nhất liên hợp tất cả những người bị áp bức, bị bóc lột dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản; — 3) nó là cơ quan đấu tranh cách mạng mạnh mẽ nhất của quần chúng; — 4) nó là tổ chức trực tiếp của bản thân quần chúng, vì thế nó cũng là tổ chức dân chủ nhất.

Sau khi xô viết nắm chính quyền và trở thành tổ chức Nhà nước, đặc trưng của nó là tổ chức quần chúng của người lao động không những không mất đi mà còn phát triển thêm. Bản chất của chính quyền xô viết là: tổ chức cách mạng nhất, có tính chất quần chúng nhất của bản thân người lao động, tức là xô viết, trở thành cơ sở chính trị duy nhất và thường xuyên của chính quyền Nhà nước. Dưới chế độ nghị viện tư sản, quần chúng lao động bị gạt bỏ không được tham gia quản lý Nhà nước, không được tham gia có tính chất quyết định vào sinh hoạt chính trị và không thể sử dụng quyền dân chủ và tự do dân chủ, trái lại dưới điều kiện chuyên chính vô sản, thông qua xô viết, quần chúng lao động được thu hút tham gia một cách thường xuyên, không thể thiếu được và có tác dụng quyết định vào việc quản lý Nhà nước.

Chế độ xô viết kết hợp quyền lập pháp và quyền hành chính vào người đại biểu của nhân

dân; trái với chế độ nghị viện của giai cấp tư sản, xô viết là một kiểu tổ chức Nhà nước trong đó các cơ quan đại biểu không phải là nơi nói suông mà là cơ quan làm việc thực sự có hiệu lực. Bộ máy Nhà nước xô viết « đem lại khả năng kết hợp chỗ hay của chế độ nghị viện với chỗ hay của chế độ dân chủ trực tiếp, nghĩa là kết hợp chức năng lập pháp và sự chấp hành luật lệ vào người đại biểu được bầu ra của nhân dân. So sánh với chế độ nghị viện tư sản, thì đó là một tiến bộ có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới trong sự phát triển của chế độ dân chủ » (1).

Chính quyền Nhà nước của giai cấp tư sản, ngay trong những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất, bao giờ cũng chỉ là tổ chức thượng tầng mà ở dưới không có cơ sở chính trị quần chúng. Trong các nước tư bản, ở địa phương có các hội đồng hàng tỉnh, hội đồng thành phố, v.v... thay thế cho cơ quan đại biểu dân chủ, những hội đồng ấy phục tùng các đại biểu cơ quan hành chính — bộ trưởng bộ nội vụ, tỉnh trưởng, huyện trưởng, v.v..., và không có chức năng chính trị. Thảm quyền của nó chỉ hạn chế trong những vấn đề về kinh tế công cộng, về cứu tế xã hội, v.v... theo lời Lê-nin, thì nó chỉ làm những việc « trang sức bề ngoài » không có hại cho Nhà nước tư sản.

Khác với chế độ nghị viện tư sản, chế độ xô viết đã sáng tạo ra hệ thống đại biểu nhân dân

(1) Lê-nin: « Bôn-sê-vích có thể giữ vững được chính quyền Nhà nước không? »

thống nhất từ trên xuống dưới. Xô viết hợp thành một tổ chức Nhà nước thống nhất và toàn vẹn, trong đó cơ quan chính quyền cấp cao và cơ quan chính quyền địa phương đều xây dựng trên cơ sở dân chủ chung. Xô viết địa phương là những cơ quan Nhà nước có toàn quyền, và là nền móng của toàn bộ lâu đài Nhà nước xô viết. Chính quyền xô viết là sự kết hợp tất cả những xô viết đại biểu lao động từ dưới lên trên thành một tổ chức Nhà nước chung, thành nước cộng hòa xô viết.

Chính quyền xô viết không những là tổ chức Nhà nước có tính chất quần chúng nhất, dân chủ nhất, mà còn là tổ chức có tinh thần quốc tế nhất trong tất cả các tổ chức Nhà nước. Chính quyền xô viết không những triệt để đập tan toàn bộ hệ thống áp bức dân tộc, mà còn đảm bảo cho người lao động tất cả các dân tộc thực tế tham gia vào việc xây dựng đời sống mới.

Chế độ xô viết đưa ra một hình thức tổ chức Nhà nước chưa từng có trên thế giới tư bản: đó là khối liên minh anh em giữa các nước cộng hòa liên hiệp lại trên cơ sở *liên bang xô viết và tự trị*.

Lê-nin đã tìm thấy rằng liên bang xô viết là hình thức tổ chức Nhà nước thích hợp nhất cho nước xã hội chủ nghĩa nhiều dân tộc. Bản « Tuyên ngôn quyền lợi của nhân dân lao động và bị áp bức » do Lê-nin dự thảo và được Đại hội xô viết toàn nước Nga lần thứ 3 triệu tập hồi tháng 1 năm 1918 thông qua, đã tuyên bố: nước cộng hòa xô viết Nga là Liên bang các nước cộng hòa xô

viết dân tộc xây dựng trên cơ sở liên hợp tự do của các dân tộc tự do.

Tính chất linh hoạt cao và tính chất nhiều hình nhiều vẻ là đặc điểm của hình thức liên bang xô viết và tự trị mà Liên-xô thực hiện. Tính chất linh hoạt và tính chất nhiều hình nhiều vẻ ấy phản ánh thành phần dân tộc khác nhau trong nhân dân nước ta. Có liên hệ bằng quan hệ Liên bang, trước hết là các nước cộng hòa xô viết tham gia Liên minh có chủ quyền quốc gia. Trừ những vấn đề tự nguyện đề nghị cơ quan chính quyền Nhà nước toàn Liên minh giải quyết ra, các nước cộng hòa ấy đều có thể độc lập thực hiện quyền lực Nhà nước của mình. Trong một số nước cộng hòa tham gia Liên minh còn có những nước cộng hòa tự trị, tỉnh dân tộc tự trị và khu dân tộc tự trị. Kết cấu đó của nước xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc đã cung cấp khả năng phát triển rộng rãi về chính trị, kinh tế, văn hóa cho tất cả các dân tộc, và thúc đẩy sự hợp tác của các dân tộc trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản.

Dân cư những vùng nhất định, có đặc trưng thành phần dân tộc, có đặc điểm sinh hoạt và có một nền kinh tế tương đối toàn vẹn, là chủ thể của Liên bang xô viết. Những vùng ấy có quyền tự trị trong nước xô viết, tức là có quyền tự quản lý về chính trị. Bản chất giai cấp của xô viết tự trị là tất cả chính quyền thuộc về người lao động.

Liên bang xô viết, hình thức liên hiệp của người lao động các dân tộc và bộ tộc, căn bản khác với liên bang của giai cấp tư sản, điều đó

trước hết biểu hiện ở chỗ Liên bang xô viết xây dựng trên cơ sở các dân tộc tự nguyện liên hiệp và bình đẳng với nhau. Điều thứ 17 trong Hiến pháp Liên-xô thừa nhận mỗi nước cộng hòa tham gia Liên minh có quyền tự do rút ra khỏi Liên-xô, việc đó xác định nguyên tắc tự nguyện liên hiệp. Sự bình đẳng về quyền lợi giữa các nước cộng hòa xô viết biểu hiện ra ở chỗ : tất cả các nước cộng hòa xô viết xã hội chủ nghĩa tham gia Liên bang xô viết, bất cứ lớn nhỏ, đều được hưởng quyền bình đẳng. Nguyên tắc các dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi phản ánh ở chế độ hai viện của cơ quan chính quyền tối cao Liên-xô. Khi giải thích ý nghĩa việc thành lập hai viện của xô viết tối cao Liên-xô, Sta-lin nói : « Nếu Liên-xô là nước chỉ có một dân tộc, thì chế độ một viện tốt hơn chế độ hai viện. Nhưng Liên - xô không phải là nước có một dân tộc. Ai nấy đều biết, Liên-xô là một nước có nhiều dân tộc. Chúng ta có một cơ quan cao nhất, đại biểu cho lợi ích chung của tất cả những người lao động Liên-xô mà không phân biệt dân tộc. Đó là Xô viết liên minh. Nhưng các dân tộc Liên-xô, ngoài lợi ích chung ra, còn có những lợi ích đặc biệt riêng của mình có liên quan đến đặc điểm dân tộc. Có thể coi thường những lợi ích đặc biệt ấy được không ? Đương nhiên là không thể được. Có cần có một cơ quan chuyên môn tối cao phản ánh những lợi ích đặc biệt ấy không ? Tuyệt đối cần. Không có một cơ quan như thế thì không có cách nào quản lý được một nước nhiều dân tộc như Liên - xô, điều đó không thể

ngghi ngờ được nữa. Cơ quan như thế là viện thứ hai, Viện dân tộc Liên-xô » (1)

Lịch sử dạy rằng : tất cả những nước có nhiều dân tộc xây dựng trên cơ sở áp bức dân tộc và dùng bạo lực để ràng buộc các dân tộc vào một nước thống nhất thì không thể bền vững được. Chỉ có sự liên minh tự nguyện của các dân tộc thì mới bền chặt. Trong chế độ xô viết, lần đầu tiên trong lịch sử, người ta đã tìm thấy chiếc chìa khóa để xây dựng một nước có nhiều dân tộc được vững chắc và mạnh mẽ. Hiện nay, nhân dân các nước khác giải phóng khỏi ách áp bức của đế quốc, đang căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mình để vận dụng những kinh nghiệm của nước xã hội chủ nghĩa xô viết.

Nhà nước cộng hòa xô viết là hình thức chính trị điển hình của nền chuyên chính vô sản, là hình thức dân chủ mới cao nhất thay thế cho chế độ nghị viện tư sản. Nhưng xô viết không phải là hình thức chính trị duy nhất có thể có của nền chuyên chính vô sản. Ngay từ trước khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, Lê-nin đã dự kiến rằng : việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, ở các nước khác nhau sẽ có một vài đặc điểm khác nhau, điều ấy cũng được phản ánh vào hình thức tổ chức chính trị của xã hội. Lê-nin viết : « Hình thức Nhà nước tư sản rất nhiều, nhưng thực chất của nó thì chỉ là một : tất cả những Nhà nước đó, dù thế này hay thế khác nhưng xét cho đến cùng

(1) Sta-lin : « Văn đề chủ nghĩa Lê-nin ».

nhất định đều là *chuyên chính tư sản*. Việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, dĩ nhiên không thể không để ra nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng thực chất của nó nhất định chỉ là một: *chuyên chính vô sản* » (1).

Ở nhiều nước châu Âu và châu Á được Liên-xô giải phóng khỏi ách thống trị phát xít của đế quốc, đã xuất hiện chế độ *dân chủ nhân dân*, sự thật ấy đã chứng thực tư tưởng trên đây của Lê-nin. Kinh nghiệm chứng minh rằng: chế độ dân chủ nhân dân có thể hoàn thành chức năng của chuyên chính vô sản một cách thắng lợi, nghĩa là có thể thực hiện việc tiêu diệt thành phần tư bản chủ nghĩa và tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa, có thể trấn áp sự phản kháng của giai cấp bóc lột, tổ chức và đoàn kết quần chúng lao động xung quanh giai cấp công nhân để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xét thực chất của nó, thì chế độ dân chủ nhân dân cũng như chế độ xô viết, đều thể hiện chính quyền của giai cấp công nhân liên minh với nhân dân lao động thành thị và nông thôn. Chính quyền xô viết và chế độ dân chủ nhân dân là những hình thức khác nhau của chuyên chính vô sản.

Sở dĩ có sự khác nhau giữa chế độ xô viết và chế độ dân chủ nhân dân là vì những hình thức Nhà nước xã hội chủ nghĩa ấy sinh ra trong những điều kiện lịch sử khác nhau. Nước Nga là nước chuyên chính vô sản đầu tiên ở giữa vòng vây của các nước tư bản thù địch. Ở Nga, sự chuyển biến

(1) « Lê-nin văn tuyển ».

từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, dẫn đến chỗ dùng khối nghĩa vũ trang lật đổ chính quyền đã có trước cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh đấu tranh giai cấp gay go, tất cả những chính đảng phi vô sản trước Cách mạng tháng Mười đều trở thành chính đảng phản cách mạng. Vì thế chính quyền xô viết không phải xây dựng trên cơ sở các đảng phái liên hiệp (không kể việc liên minh trong một thời gian ngắn giữa khối cộng sản và bọn Xã hội cách mạng «phái tả», chỉ nửa năm sau khi chính quyền xô viết thành lập bọn này đã nổi loạn chống lại chính quyền xô viết và chạy sang phe phản cách mạng). Tình hình đấu tranh giai cấp hết sức gay go trong thời kỳ đầu của chế độ xô viết yêu cầu phải trước quyền tuyển cử của những kẻ bóc lột.

Chuyên chính vô sản ở các nước dân chủ nhân dân, lại sinh ra trong những điều kiện lịch sử khác. Những nước ấy thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không phải cô lập, mà là dưới sự giúp đỡ trực tiếp của nước láng giềng, của nước xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi là Liên-xô lớn mạnh.

Sau khi các nước dân chủ nhân dân giải phóng khỏi chế độ phát xít, thì chính quyền nằm trong tay chính phủ của Mặt trận nhân dân các nước đó. Lúc bấy giờ những chính phủ ấy chưa phải là chính quyền của giai cấp vô sản. Như ở chương VII « Lý luận về cách mạng của chủ nghĩa Mác Lê-nin » — sẽ nói tỉ mỉ, chính quyền dân chủ nhân dân ở giai đoạn thứ nhất giải quyết nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản.

Chế độ dân chủ nhân dân ở các nước Trung Âu và Đông Nam Âu hình thành trên cơ sở Mặt trận nhân dân đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong Mặt trận nhân dân, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và chính đảng của nó, dựa trên cơ sở cương lĩnh chung là chống phát xít Đức giành giải phóng dân tộc, đại biểu các đảng phái khác nhau đã đoàn kết lại, kể cả đại biểu của một số chính đảng tư sản và tiểu tư sản. Vì thế, trong các nước dân chủ nhân dân, có thể có chế độ nhiều đảng phái, trường hợp ấy thực tế chưa từng có ở nước Nga xô viết. Nhưng, trong tiến trình phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, những chính đảng tư sản và những chính đảng thỏa hiệp đi theo con đường chống lại nhân dân lao động, đều bị phá sản và rút ra khỏi vũ đài chính trị. Còn vai trò lãnh đạo của chính đảng công nhân đoàn kết tuyệt đại đa số nhân dân xung quanh mình thì lại ngày càng lớn mạnh, do đó có thể lập nên chuyên chính vô sản.

Ở các nước ấy, việc lập nên chuyên chính vô sản là kết quả của bước chuyển từ cách mạng dân chủ chống phong kiến, chống phát xít sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà không cần phải dùng bạo lực lật đổ chính phủ chấp chính ở những nước ấy sau khi giải phóng khỏi ách phát xít. Như ở chương V đã nói, lúc bấy giờ thế lực phản động ở các nước dân chủ nhân dân không đủ sức để gây ra nội chiến. Trong hoàn cảnh lúc ấy, không cần phải trước quyền tuyên cử của kẻ bóc lột. Sự có mặt và giúp đỡ của Liên-xô, làm cho các nước

Trung Âu và Đông Nam Âu có khả năng thông qua chuyên chính vô sản dưới hình thức dân chủ nhân dân để thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Ở các nước khác, nền chuyên chính vô sản cần thiết cho việc dùng phương thức cách mạng mà cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa, sẽ có những đặc điểm riêng của nó. Thí dụ : chính cương Đảng cộng sản Anh, chính cương Đảng lao động tiến bộ Ca-na-đa đều kêu gọi thành lập khối liên minh nhân dân rộng rãi hoặc khối liên minh của tất cả các tầng lớp nhân dân lao động để tiêu diệt chính quyền tư bản, chuyển chính quyền sang tay chính phủ nhân dân chân chính, rồi chính phủ này sẽ lãnh đạo công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Chính cương Đảng cộng sản Anh nói rằng : « Sau khi cải tạo được nghị viện ra đời trong cuộc đấu tranh lịch sử giành dân chủ của nước Anh, thành công cụ dân chủ, thành công cụ đại biểu cho ý chí của đại đa số nhân dân nước Anh, thì nhân dân nước Anh sẽ có thể biến dân chủ tư bản chủ nghĩa thành dân chủ nhân dân chân chính ». Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội quy định trong cương lĩnh của Đảng cộng sản Anh tức là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng cách xây dựng chính quyền nhân dân trên cơ sở nghị viện đã được cải tạo, quyết không phải là con đường chủ nghĩa nghị viện của giai cấp tư sản. Xuất phát điểm của người cộng sản Anh là : không những cần phải giành được đa số trong nghị viện, mà còn phải cải tạo bản thân nghị viện, làm cho nó trở thành người đại biểu

chân chính cho ý chí của nhân dân. Để đạt đến mục đích ấy, cần phải chiến thắng kẻ thống trị hiện nay ở nước Anh và cướp lấy chính quyền thực tế ở trong tay bọn bóc lột. Chỉ có trong điều kiện ấy mới có thể đảm bảo cho chính quyền có nội dung giai cấp mới, nội dung giai cấp vô sản. Mà nội dung ấy, chính như Lê-nin đã dạy chúng ta, là một nội dung mạnh mẽ đến mức nó « ...Phải cải tạo, chiến thắng, và chinh phục tất cả mọi hình thức, không những là hình thức mới mà cả hình thức cũ... » (1).

7.— ĐẢNG CỘNG SẢN LÀ LỰC LƯỢNG CHỈ ĐẠO HỆ THỐNG CHUYÊN CHÍNH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN

Nền chuyên chính của giai cấp vô sản thực hiện dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác — Lê-nin. Không có sự lãnh đạo của một đảng, của Đảng cộng sản, thì chuyên chính vô sản sẽ không thể hoàn toàn và cũng không thể vững chắc được. Một trong những nguyên nhân thất bại của Công xã Pa-ri là không có chính đảng theo chủ nghĩa Mác của giai cấp công nhân; trong Công xã Pa-ri có hai đảng (một theo chủ nghĩa Bơ-lăng-ky, một theo chủ nghĩa Pơ-ru-đông) chia nhau lãnh đạo, cả hai đều không phải là đảng theo chủ nghĩa Mác. Ở Nga, sở dĩ giành được và củng cố được chuyên chính vô sản, một trong những điều kiện quan

(1) Lê-nin tuyên tập.

trọng nhất là sự lãnh đạo không chia sẻ của một đảng đã được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng như Đảng cộng sản.

Ở các nước dân chủ nhân dân cũng thế, chỉ dưới sự lãnh đạo của chính đảng mác-xít mới xây dựng được chuyên chính vô sản. Đảng cộng sản và Đảng công nhân ở các nước ấy, tranh thủ đại đa số nhân dân lao động về phía mình, và đảm bảo sự lãnh đạo của mình trong tất cả những khâu quan trọng nhất của bộ máy Nhà nước. Trên cơ sở tư tưởng Mác — Lê-nin, đảng Xã hội dân chủ phái tả liên hợp với Đảng cộng sản, thành lập ra chính đảng thống nhất của giai cấp công nhân, tình hình đó tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong toàn bộ sinh hoạt xã hội và sinh hoạt Nhà nước của các nước dân chủ nhân dân. Hiện nay, ở số lớn các nước dân chủ nhân dân, ngoài chính đảng của giai cấp công nhân ra, chỉ còn những chính đảng thừa nhận vai trò lãnh đạo của chính đảng công nhân và giúp đỡ chính đảng ấy trong việc thi hành chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội (ví dụ như đảng Nông dân Ba-lan, Liên minh Nông dân Bun-ga-ri, đảng Tiểu chủ Hung-ga-ri, v.v...) mới tiếp tục tồn tại. Tháng 2 năm 1948, khi đánh giá tiền đề phát triển của chế độ dân chủ nhân dân, đồng chí Đê-mi-tơ-rốp đã nói: sự phát triển tiến bộ của xã hội « không phải là thụt lùi lại đằng sau đến chỗ nhiều đảng phái, mà là tiến lên tiêu diệt hết tất cả những tàn tích của chế độ bóc lột, chế độ tự bản, như thế sẽ đưa đến chỗ lập ra một chính đảng thống nhất để lãnh đạo Nhà nước và xã hội ».

Đảng cộng sản thông qua các tổ chức xã hội của quần chúng hợp thành *hệ thống chuyên chính của giai cấp vô sản*, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Những tổ chức ấy của nhân dân lao động là « *sợi dây chuyền* », là « *đòn xeo* », Đảng cộng sản là lực lượng chỉ đạo, thông qua những tổ chức ấy để làm cho toàn bộ « *bộ máy* » chuyên chính vô sản chạy đều. Không có lực lượng chỉ đạo của Đảng, không có « *sợi dây chuyền* » nối liền Đảng và nhân dân lao động đông đảo, thì không thể có chuyên chính vô sản lâu dài và vững chắc.

Ở Liên-xô, những đòn xeo quan trọng nhất trong hệ thống chuyên chính vô sản, trước hết là *xô viết*, cơ sở của tổ chức Nhà nước toàn quốc; ngoài ra còn có những tổ chức xã hội của quần chúng như *công đoàn, hợp tác xã, Đoàn thanh niên cộng sản*. Thông qua các tổ chức ấy mà thu hút đông đảo quần chúng lao động tham gia việc quản lý Nhà nước và xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đảng cộng sản là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo và thống nhất hoạt động của tất cả các tổ chức quần chúng của nhân dân lao động. Nhờ sự hoạt động của những tổ chức ấy và nhờ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nên người lao động Liên-xô có tinh tích cực chính trị và tinh tổ chức cao chưa từng có ở bất cứ nước nào. Thu hút đông đảo nhân dân lao động quản lý Nhà nước thì sẽ có thể tăng cường uy lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là một trong những

nguồn sức mạnh quan trọng nhất của Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản trước hết biểu hiện ở chỗ vạch ra đường lối chính trị, xác định nhiệm vụ và phương pháp hoạt động thực tế cho tất cả các cơ quan chính quyền và các tổ chức xã hội về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Đảng kết hợp và chỉ đạo công tác của tất cả các tổ chức xã hội và tổ chức Nhà nước, vạch rõ mục tiêu chung cho những tổ chức ấy. Sự lãnh đạo của Đảng còn biểu hiện ở chỗ : Đảng đảm bảo đề bạt những người công tác ưu tú nhất, những đảng viên cộng sản và những người ngoài Đảng toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân vào cương vị quan trọng của Nhà nước. Đảng kiểm tra công tác của các cơ quan Nhà nước, do đó giúp đỡ cho các cơ quan ấy sửa chữa sai lầm và thực hành quyết định của Chính phủ. Không có một quyết định quan trọng nào do các cơ quan Nhà nước xô viết thông qua mà lại không có những chỉ thị có tính chất chỉ đạo của Đảng.

Đương nhiên nói như thế không có nghĩa là hình như Đảng cộng sản có thể hoặc nên thay thế cho xô viết, công đoàn và các tổ chức quần chúng khác của nhân dân lao động. Bọn To-rốt-ski, Di-nô-vi-ép, Bu-kha-rin định làm lẫn lộn chuyên chính của giai cấp công nhân với « chuyên chính của Đảng » ; ý định ấy không có chút nào giống chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đã bị Đảng cộng sản và Trung ương Đảng đập tan. Không thể lấy Đảng để thay thế cho xô viết, tức là thay thế cho chính

quyền Nhà nước. Đảng thực hiện chuyên chính của giai cấp công nhân, không phải thực hiện trực tiếp, mà thực hiện qua xô viết, qua rất nhiều tổ chức quần chúng của nhân dân lao động. Đảng cộng sản là hạt nhân của chính quyền, nhưng không thể lẫn lộn Đảng với chính quyền Nhà nước. Sở dĩ không thể dung thứ sự lẫn lộn như vậy là vì : Đảng là tổ chức tự nguyện của đội tiên phong của nhân dân lao động, còn Nhà nước thì khác với Đảng, nó bao gồm hết tất cả quần chúng nhân dân trong đó vẫn còn có sự khác nhau về giai cấp, và nó đòi hỏi mọi công dân trong nước phải phục tùng chính quyền Nhà nước.

Nói về chế độ xô viết, các « nhà phê bình » ngoại quốc quả quyết rằng hình như chế độ xô viết là không dân chủ, vì trừ Đảng cộng sản ra, còn thì không cho các đảng phái khác tồn tại. Nhưng, sự tồn tại của mấy chính đảng đấu tranh với nhau quyết không thể chứng minh là dân chủ được. Trình độ dân chủ không phải do số lượng chính đảng trong một nước quyết định, mà do vấn đề giai cấp nào nắm chính quyền, chính quyền Nhà nước thực hành *chính sách như thế nào*, quần chúng nhân dân chiếm địa vị như thế nào trong Nhà nước, quyết định.

Ở Liên-xô không có cơ sở để mấy chính đảng tồn tại, vì không có những giai cấp đối kháng cùng những lợi ích đối địch, không thể điều hòa của các giai cấp ấy. Sự lãnh đạo của một đảng, của Đảng cộng sản tiêu biểu cho dân chủ chân chính của

chế độ Nhà nước xô viết, vì đảng ấy là đại biểu chân chính của toàn thể nhân dân, đảng ấy thi hành những chính sách hợp với lợi ích thiết thân, hợp với nguyện vọng và yêu cầu của nhân dân. « Trong năm mươi năm gần đây, nhân dân Liên-xô đã thử thách trên thực tế tất cả các đảng phái chủ yếu từng tồn tại ở nước Nga : đảng địa chủ (phái Trăm Đen), đảng của các nhà tư bản (đảng dân chủ lập hiến), đảng men-sê-vích (« đảng xã hội » cánh hữu), đảng xã hội cách mạng (những người bảo vệ cho phú nông), và Đảng cộng sản. Trong tiến trình những sự biến cách mạng diễn ra ở Liên-xô, nhân dân nước ta đã vứt bỏ hết những chính đảng của giai cấp tư sản và chọn lấy Đảng cộng sản, cho rằng đảng ấy là chính đảng duy nhất chống địa chủ và chống tư bản. Rất dễ hiểu là nhân dân Liên-xô hoàn toàn ủng hộ Đảng cộng sản, một đảng đã được thử thách trong đấu tranh ». (1)

Đảng cộng sản Liên-xô và những nhân sĩ không đảng phái kết thành liên minh tham gia các cuộc bầu cử xô viết đại biểu của nhân dân lao động, điều đó nói lên sự đoàn kết nhất trí vững chắc nhất giữa Đảng và nhân dân. Chỉ có trong nước xã hội chủ nghĩa, là nước không có giai cấp đối địch chống chọi nhau, là nước mà lợi ích của toàn thể nhân dân nhất trí và Đảng cộng sản là người đại biểu cho lợi ích của toàn dân, thì mới có thể có một khối liên minh như thế.

(1) « Báo Sự thật trả lời ông Nô-ri-xon », báo Sự thật ngày 1-8-1951.

8. — CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN VÀ CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết biến đổi và phát triển theo sự phát triển của cơ sở xã hội chủ nghĩa của nó. Trong quá trình phát triển, nó đã trải qua hai giai đoạn chủ yếu : giai đoạn thứ nhất gồm khoảng thời gian từ Cách mạng tháng Mười đến khi tiêu diệt hết giai cấp bóc lột, giai đoạn thứ hai bắt đầu từ khi tiêu diệt hết phần tử tư bản chủ nghĩa thành thị và nông thôn, và đến bây giờ vẫn tiếp tục.

Sự biến đổi trong chế độ kinh tế, và do đó cũng là sự biến đổi trong kết cấu giai cấp của xã hội, quyết định sự phát triển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa tức là kiến trúc thượng tầng chính trị. Người lao động Liên-xô dùng Nhà nước xô viết làm công cụ quan trọng nhất để cải tạo xã hội, thực hành việc tiêu diệt cơ sở cũ, tư bản chủ nghĩa và xây dựng cơ sở mới, xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều kiện phát triển của bản thân Nhà nước xô viết thay đổi theo trình độ hoàn thành tác dụng cải tạo của nó ; và thích ứng với điều đó, nhiệm vụ, chức năng và hình thức của nó cũng thay đổi.

Trong *giai đoạn phát triển thứ nhất* của Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết, nhiệm vụ cơ bản của nó là trấn áp sự phản kháng của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ, tổ chức quốc phòng để chống lại sự xâm phạm của bọn can thiệp, khôi phục công nghiệp và nông nghiệp, chuẩn bị điều kiện để tiêu

diệt hết mọi thành phần tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, trong thời kỳ ấy, Nhà nước xô viết thực hiện hai chức năng cơ bản : trấn áp các giai cấp đã bị lật đổ trong nước và bảo vệ nước nhà khỏi bị ngoại xâm.

Mọi người đều biết, trước kia cũng vậy, đặc trưng hoạt động của Nhà nước cũng có hai chức năng : chức năng đối nội và chức năng đối ngoại. Do đó, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vẫn giữ một vài chức năng Nhà nước cũ sau khi đã sửa đổi cho thích hợp với nhu cầu của Nhà nước vô sản. Nhưng về nguyên tắc thì nội dung những chức năng ấy của Nhà nước xã hội chủ nghĩa lại khác hẳn. Tất cả những Nhà nước của giai cấp bóc lột đều vì lợi ích của số ít những người bóc lột trong xã hội mà đàn áp số đông những người lao động trong xã hội, còn Nhà nước xã hội chủ nghĩa thì vì lợi ích của số đông những người lao động mà trấn áp số ít người bóc lột.

Chức năng trấn áp sự phản kháng của các giai cấp đã bị lật đổ của Nhà nước xô viết, thực hiện bằng nhiều thủ đoạn khác nhau : thủ đoạn chính trị (tước quyền bầu cử, ứng cử), thủ đoạn quân sự (đập tan những cuộc bạo động, những âm mưu, v.v... của giai cấp bóc lột), thủ đoạn kinh tế (tịch thu tư liệu sản xuất và tài sản của bọn bóc lột, đánh thuế nặng đối với chúng, v.v...). Quân đội, cơ quan trình thám, điều tra, cơ quan trừng phạt là những cơ quan quan trọng nhất để phục vụ cho việc trấn áp bằng vũ trang.

Nhà nước xô viết không phạm lại sai lầm đau đớn của Công xã Pa-ri là quá nhu nhược với kẻ địch của cách mạng. Ngay trong những ngày đầu của Cách mạng tháng Mười, đã thành lập Ủy ban bất thường để đấu tranh với bọn phản cách mạng, bọn đầu cơ và phá hoại. Cơ quan ấy là tai nạn đối với giai cấp tư sản, là người lính gác tỉnh táo của cách mạng.

Kẻ thù nội bộ của Nhà nước xô viết là bọn tư bản và địa chủ có liên hệ hết sức chặt chẽ với bọn tư bản thế giới. Bọn tư bản ngoại quốc giúp lực lượng vũ trang và tiền bạc cho chúng, còn bọn chúng thì làm chó săn cho đế quốc nước ngoài. Vì vậy, trong giai đoạn phát triển thứ nhất của Nhà nước xô viết, chức năng trấn áp các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ trong nước gắn liền với chức năng bảo vệ nước nhà khỏi bị ngoại xâm.

Chức năng bảo vệ nước nhà khỏi bị ngoại xâm của Nhà nước xô viết, về nguyên tắc khác với chức năng đó của Nhà nước của bọn bóc lột, vì Nhà nước xã hội chủ nghĩa chống ngoại xâm là để bảo vệ kết quả thắng lợi của số đông những người lao động, còn Nhà nước của giai cấp bóc lột thì bảo vệ tài sản và đặc quyền của số ít người bóc lột.

Nội dung mới về nguyên tắc ấy của chức năng bảo vệ nước nhà biểu hiện ra ngay trong những năm nước ngoài vũ trang can thiệp và nội chiến (1918—1920); bấy giờ Nhà nước xô viết đã đứng ra đánh lui cuộc tấn công của lực lượng liên hiệp giữa bọn can thiệp bên ngoài và bọn phản cách

mạng bên trong. Mặc dù bọn can thiệp chiếm nhiều ưu thế về mặt vũ khí, đạn dược và cán bộ quân sự có kinh nghiệm, nhưng cuối cùng quân đội xô viết trẻ tuổi đã giành được thắng lợi. Điều đó trước hết vì quân đội xô viết bảo vệ kết quả thắng lợi của số đông những người lao động nên được quần chúng nhân dân ủng hộ.

Đảng cộng sản Liên-xô căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã dùng quan điểm mới mà nghiên cứu vấn đề cơ quan bảo vệ nước nhà chống ngoại xâm. Trước khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Liên-xô, đa số những người mác-xít ủng hộ ý kiến phải dùng vũ trang nhân dân để thay thế cho quân đội thường trực. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước đơn độc bị chủ nghĩa tư bản bao vây, đã buộc phải sửa đổi quan điểm ấy. Giai cấp vô sản thắng lợi, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã giải tán quân đội cũ không đủ sức bảo vệ nước Cộng hòa xô viết, và xây dựng lên *Quân đội Liên-xô* mới. Quân đội ấy cần phải là quân đội cốt cán, vì trong điều kiện hiện đại, kỹ thuật quân sự đã hết sức phát triển, chỉ có quân đội cốt cán mới ngăn ngừa nổi quân đội đế quốc xâm phạm.

Ngoài hai chức năng cơ bản nói trên, trong giai đoạn phát triển thứ nhất, Nhà nước xô viết còn chấp hành chức năng thứ ba, đó là chức năng tổ chức kinh tế và giáo dục văn hóa. Mục đích của chức năng này là phát triển mầm mống của kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa và giáo dục tinh thần xã

hội chủ nghĩa cho nhân dân. Nhưng trong thời kỳ này, chức năng thứ ba chưa được phát triển đầy đủ.

Khác với hai chức năng trên, chức năng công tác tổ chức kinh tế và công tác giáo dục văn hóa của cơ quan Nhà nước xô viết không có trong những Nhà nước trước kia. Đó là chức năng chỉ riêng Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có.

Tất cả những Nhà nước trước kia, kể cả Nhà nước tư sản, đều không thể thực hiện được nhiệm vụ tổ chức kinh tế quốc dân, không thể quản lý được sự phát triển kinh tế của xã hội. Quy luật cạnh tranh và trạng thái sản xuất vô chính phủ có tác dụng trong điều kiện chủ nghĩa tư bản, đã thủ tiêu mất khả năng tự giác quản lý sinh hoạt kinh tế. Sự thống trị của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất quyết định tính chất tự phát của các quá trình kinh tế, và hạn chế khả năng của Nhà nước ảnh hưởng đến tiến trình của những quá trình ấy. Thực tế thì kinh tế rất ít liên quan đến Nhà nước tư bản chủ nghĩa, vì kinh tế không nằm trong tay nó. Ngược lại, Nhà nước lại nằm trong tay kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong tay những kẻ tư bản chiếm hữu tư liệu sản xuất.

Chỉ có Nhà nước kiểu mới, Nhà nước xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản tập trung trong tay mình những tư liệu sản xuất quan trọng nhất đã biến thành tài sản của toàn dân thì mới có thể quản lý được kinh tế quốc dân. Quy luật phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch (theo tỷ lệ) phát sinh tác dụng trên cơ sở xã hội hóa tư liệu sản xuất. Chỉ có theo quy luật phát triển kinh tế quốc dân

có kế hoạch mới có thể quản lý được kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Quy luật ấy làm cho các cơ quan Nhà nước xã hội chủ nghĩa có khả năng khách quan để đặt kế hoạch sản xuất xã hội.

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, Nhà nước xô viết nắm lấy những đòn xeo kinh tế chủ yếu, nắm lấy những mạch máu chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân như đại công nghiệp, ngành vận tải, ngân hàng, mậu dịch với nước ngoài, v.v... để chỉ đạo kinh tế toàn quốc phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong những năm đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa chiếm ưu thế trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cho nên khả năng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân còn bị hạn chế và hoạt động tổ chức kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng chưa thể phát triển đầy đủ.

Hoạt động giáo dục văn hóa cũng là đặc điểm riêng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước của giai cấp bóc lột lợi dụng những công cụ áp bức quần chúng về tinh thần nằm trong tay chúng (giáo hội, trường học, báo chí, v.v...) chủ yếu là để thực hiện chức năng chính của nó tức là áp bức đa số người lao động, vì thế, điều mà chúng quan tâm, chủ yếu không phải là giáo dục và nâng cao văn hóa cho quần chúng, mà là làm cho ý thức của quần chúng mơ hồ đi và ngăn cản quần chúng phát triển về văn hóa. Ngược lại, Nhà nước xã hội chủ nghĩa hết sức quan tâm đến việc nâng cao không ngừng trình độ văn hóa và giác ngộ chính trị của quần chúng nhân dân, đó là lợi

lịch thiết thân của chế độ xô viết. Hoạt động giáo dục văn hóa của Nhà nước xô viết phục vụ việc giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho nhân dân lao động, phục vụ việc khắc phục những tàn tích của chủ nghĩa tư bản trong ý thức nhân dân lao động, phục vụ việc nâng cao trình độ văn hóa kỹ thuật cho quần chúng nhân dân. Hoạt động giáo dục văn hóa kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức kinh tế của Nhà nước xô viết, vì không luôn luôn nâng cao trình độ văn hóa và giác ngộ cộng sản chủ nghĩa cho người lao động thì kinh tế xã hội chủ nghĩa không thể phát triển lên được, vì chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa là cơ sở vật chất để phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn phát triển thứ nhất, Nhà nước xã hội chủ nghĩa chuẩn bị điều kiện cho việc tiêu diệt thành phần tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn. Nhờ thực hiện chính sách công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và tập thể hóa nông nghiệp của Nhà nước, nền cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa được xây dựng, vấn đề « ai thắng ai » đã được giải quyết có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Do đó, Nhà nước xô viết đã bước vào giai đoạn phát triển thứ hai. Lúc này, nhiệm vụ trước mắt của Nhà nước xô viết là tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa trong toàn quốc và tiêu diệt những tàn tích cuối cùng của thành phần tư bản chủ nghĩa, thực hiện cách mạng văn hóa, tổ chức quân đội hoàn toàn hiện đại hóa để bảo vệ nước nhà, xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Thích ứng với những nhiệm vụ ấy, chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng thay đổi.

Chức năng trấn áp bằng quân sự trong nước đã từng là một trong những chức năng cơ bản của Nhà nước xô viết trong giai đoạn thứ nhất, đến giai đoạn thứ hai không còn nữa, vì các giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt. Sau khi mọi giai cấp bóc lột trong nước đã bị tiêu diệt thì Nhà nước xô viết hoàn thành một trong những nhiệm vụ cơ bản của mình, vì thế một mặt hoạt động của nó đã kết thúc, sự cần thiết của chức năng trấn áp bằng quân sự trong nước cũng mất đi. Cả trong giai đoạn phát triển thứ hai, Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng vẫn cần phải ngăn ngừa sự hoạt động của những phần tử đối địch với chế độ xô viết. Nhưng, khi trong nước không còn *giai cấp* cần phải trấn áp nữa, thì lúc ấy mũi nhọn của quân đội, cơ quan trừng phạt, cơ quan điều tra, trình thám không chĩa vào trong nước nữa mà chĩa thẳng vào kẻ thù ngoài nước.

Trong giai đoạn phát triển thứ hai của Nhà nước xô viết, thay cho chức năng trấn áp bằng quân sự, có *chức năng bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa* chống những phần tử trộm cắp hoặc xâm phạm đến tài sản của nhân dân. Khi chế độ công hữu được củng cố trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, thì việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa trở thành một trong những chức năng chủ yếu của Nhà nước xô viết. Tháng 1-1933 Sta-lin đã nói trong bản báo cáo « Tổng kết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất » : « Cũng như cơ sở của chủ nghĩa tư bản là chế độ tư hữu, cơ sở của chế độ xô viết của chúng ta là chế độ công hữu ; nếu nói hồi ấy bọn

tư bản tuyên bố tài sản tư hữu là thiêng liêng và không thể xâm phạm để đạt đến mục đích củng cố chế độ tư bản chủ nghĩa, thì người cộng sản chúng ta càng cần phải tuyên bố tài sản công hữu là thiêng liêng và bất khả xâm phạm để củng cố những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa mới trong mọi ngành sản xuất và thương nghiệp» (1). Ngày nào lao động còn chưa trở thành nhu cầu bức thiết bậc nhất đối với toàn thể thành viên trong xã hội, chế độ công hữu chưa trở thành cơ sở vững chắc bất khả xâm phạm của sự tồn tại của xã hội, thì ngày ấy chức năng này của Nhà nước xã hội chủ nghĩa vẫn còn phải giữ.

Trong giai đoạn thứ hai của Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết *chức năng vũ trang bảo vệ quốc gia* không những phải giữ nguyên vẹn, mà còn phải phát triển thêm nữa. Đó là vì: sau khi đã tiêu diệt các giai cấp bóc lột ở Liên-xô, sau khi vấn đề «ai thắng ai» đã được giải quyết có lợi cho chủ nghĩa xã hội ở trong nước thì vấn đề ấy hoàn toàn chuyển sang vũ đài quốc tế. Đảng cộng sản và Trung ương Đảng đã nhiều lần nhắc nhở nhân dân Liên-xô thấy rõ nguy cơ chủ nghĩa tư bản bao vây Liên-xô, và kiên quyết dùng mọi phương pháp tăng cường cơ quan quân sự, cơ quan trinh thám, điều tra và cơ quan trừng phạt của Nhà nước xô viết. Chỉ có khi nào vòng vây tư bản chủ nghĩa đã bị tiêu diệt và nguy cơ nước ngoài tấn công bằng quân sự không còn nữa, thì chức năng

(1) Sta-lin: «Vấn đề chủ nghĩa Lê-nin».

vũ trang bảo vệ mới mất đi. Nhưng trước khi đó, việc tìm đủ mọi phương pháp để tăng cường những cơ quan quân sự, cơ quan trinh thám, điều tra và cơ quan trừng phạt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là điều kiện quan trọng nhất để nước xã hội chủ nghĩa tồn tại được. Trong hoàn cảnh chủ nghĩa tư bản bao vây, cần phải hết sức nâng cao cảnh giác, và đấu tranh tinh táo chống âm mưu của các nước đế quốc tung gián điệp và phần tử phá hoại vào các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường lực lượng quân sự của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, không những chỉ để đánh bại bọn đế quốc lang sói khi chúng tấn công Liên-xô bằng quân sự mà còn là để hãm những cuộc tấn công ấy lại, hết sức lợi dụng thời cơ tạm thời hòa bình, bảo vệ sự nghiệp hòa bình. Kinh nghiệm lịch sử chứng minh, nếu không tăng cường quân đội và cơ quan trinh thám, điều tra của mình thì nhân dân các dân tộc Liên-xô đã không thể hưởng được 20 năm hạnh phúc lao động hòa bình từ khi chủ nghĩa đế quốc kết thúc cuộc xâm lược Liên-xô lần thứ nhất (1918 — 1920) đến khi bắt đầu cuộc xâm lược thứ hai (1941 — 1942).

Ngoài quân đội và cơ quan trinh thám điều tra ra, *ngoại giao của Liên-xô*, cũng là nhân tố quan trọng để bảo vệ lợi ích của Nhà nước Liên-xô. Chính sách đối ngoại đúng đắn mà Chính phủ xô viết và cơ quan ngoại giao của nó thi hành, tạo khả năng bảo vệ sự nghiệp hòa bình, và lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, để mưu lợi ích cho nhân dân lao động Liên-xô và toàn thế giới.

Trong giai đoạn thứ hai, chức năng tổ chức kinh tế và chức năng giáo dục văn hóa được phát triển đầy đủ, và trở thành chức năng cơ bản trong nước của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Kết quả sự cải tạo kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa là Nhà nước xô viết tập trung tuyệt đại đa số tư liệu sản xuất trong tay mình. Do tập thể hóa nông nghiệp nên chính quyền xô viết cũng xây dựng được cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Như Đại hội đại biểu lần thứ 16 của Đảng đã vạch ra : « Điều đó đã tăng cường tác dụng điều chỉnh của Nhà nước vô sản trong toàn bộ đời sống kinh tế quốc dân trong nước. Điều đó đã nâng cao được ý nghĩa của lãnh đạo kế hoạch, làm cho sự lãnh đạo kế hoạch mở rộng tới mọi lãnh vực của kinh tế quốc dân » (1).

Nhà nước xã hội chủ nghĩa lãnh đạo kinh tế quốc dân trên cơ sở tự giác lợi dụng quy luật khách quan của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Khi đặt kế hoạch phát triển tất cả các ngành kinh tế quốc dân, Nhà nước dựa theo yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển có kế hoạch, có tỷ lệ. Không thể lẫn lộn khả năng và hiện thực trong việc kế hoạch hóa sản xuất xã hội. Muốn biến khả năng ấy thành hiện thực, cần phải biết đặt kế hoạch thế nào để cho nó phản ánh

(1) « Những nghị quyết và quyết định của các cuộc đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu và hội nghị Trung ương của Đảng cộng sản Liên-xô ».

được đầy đủ yêu cầu của quy luật khách quan phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch, có tỷ lệ và yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước xô viết dựa vào những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội để đặt ra kế hoạch tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa, trong đó kể cả việc tái sản xuất sức lao động thông thạo kỹ thuật. Công tác tổ chức kinh tế của cơ quan Nhà nước không những biểu hiện ở chỗ cơ quan ấy vạch ra và xác định kế hoạch kinh tế quốc dân, mà còn biểu hiện ở chỗ nó tổ chức việc thực hiện kế hoạch kinh tế ấy : phân phối nguồn của cải vật chất và nguồn nhân lực, cung cấp tài chính cho kinh tế quốc dân, tổ chức việc xây dựng các xí nghiệp, quản lý các xí nghiệp, kiểm tra tình hình chấp hành, giám đốc việc chấp hành kế hoạch, v.v...

Trong điều kiện chủ nghĩa xã hội thắng lợi, quy mô công tác *giáo dục văn hóa* của cơ quan Nhà nước mở rộng rất nhiều. Nhà nước xô viết là người tổ chức cuộc *cách mạng văn hóa* trong nước. Nhà nước quan tâm đến việc nâng cao trình độ học vấn cho đông đảo quần chúng công nông, quan tâm đến việc đào tạo giới trí thức xã hội chủ nghĩa, quan tâm đến sự phát triển của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cùng sự phồn thịnh của khoa học, nghệ thuật. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội cao hơn, cho nên có thể và đang sáng tạo ra những của cải tinh thần tốt đẹp hơn tất cả những cái mà các xã hội trước sáng tạo ra. Nhà nước xô viết thực hiện tất cả những nhiệm vụ ấy,

bằng cách phát triển hệ thống cơ quan khoa học, và giáo dục văn hóa, tổ chức và lãnh đạo công tác của các trường học, trường kỹ thuật, trường cao đẳng, rạp hát, viện bảo tàng, thư viện, nhà xuất bản, xưởng chế phim, đài phát thanh, v.v...

Công tác giáo dục văn hóa của cơ quan Nhà nước xô viết phục vụ cho việc giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho nhân dân Liên-xô, giáo dục cho nhân dân có thái độ cộng sản chủ nghĩa đối với lao động và tài sản chung, bồi dưỡng kỷ luật tự giác và tinh thần tập thể, bồi dưỡng chủ nghĩa ái quốc xô viết và tinh thần quốc tế, bồi dưỡng tinh thần yêu mến và tôn trọng nhân dân lao động tất cả các dân tộc.

Cơ quan Nhà nước xã hội chủ nghĩa dùng hoạt động tổ chức kinh tế và giáo dục văn hóa của mình để thúc đẩy việc thực hiện yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội : đảm bảo thỏa mãn với mức độ cao nhất những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng thêm không ngừng của toàn thể xã hội.

Ngay trong điều kiện chủ nghĩa cộng sản đã thắng lợi triệt để trên toàn thế giới, tuy Nhà nước đã mất đi, xã hội cũng vẫn cần có hoạt động tổ chức kinh tế và giáo dục văn hóa. Nhưng đến lúc ấy, nó không phải là chức năng của Nhà nước nữa, và sẽ mất tính chất chính trị đi, vì lúc ấy sẽ không có sự khác nhau về giai cấp nữa. Còn trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, khi còn có sự khác nhau về giai cấp, còn có tàn tích tư bản chủ nghĩa trong kinh tế và trong ý thức của người ta, thì hoạt động

2) tổ chức kinh tế và giáo dục văn hóa của Nhà nước, cũng như các chức năng khác, đều mang tính chất chính trị. Nhà nước dùng công tác tổ chức kinh tế và giáo dục văn hóa của mình để thực hiện chính sách của Đảng, chính sách xây dựng chủ nghĩa cộng sản, để đấu tranh với những khuynh hướng chống lại kế hoạch, chống lại Nhà nước trong kinh tế, để đấu tranh với những tàn tích của khuynh hướng tư hữu, để đảm bảo khắc phục ảnh hưởng xấu của tư tưởng tư sản và tàn tích đạo đức cũ.

Sau khi giai đoạn một đã bước sang giai đoạn hai, không những chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết thay đổi, mà cả *hình thức* của Nhà nước ấy cũng thay đổi. Bao giờ cũng vậy, nội dung mới lớn lên, thì hình thức cũng phải thay đổi theo. Lẽ tự nhiên là hình thức của Nhà nước xô viết thay đổi sau khi nhiệm vụ và chức năng của nó đã thay đổi. Sau khi cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa được xây dựng nên thì kiến trúc thượng tầng xô viết cũng tất nhiên biến đổi theo. Trong Hiến pháp mới của Liên-xô thông qua tháng 12-1936,— Hiến pháp nói rõ sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa,— đã xác định sự biến đổi ấy. Do thực hành Hiến pháp mới của Liên-xô, kiến trúc thượng tầng chính trị và pháp luật của xã hội xô viết cũng được điều chỉnh cho thích ứng với cơ sở kinh tế.

Việc thông qua Hiến pháp mới của Liên-xô năm 1936 là một biến đổi trong sinh hoạt chính trị toàn quốc. Thích ứng với tương quan lực lượng giai cấp hình thành sau khi chủ nghĩa xã hội đã thắng

lợi và giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt ở Liên-xô, xô viết đại biểu cho công nông binh tồn tại trong giai đoạn thứ nhất đã đổi thành *xô viết đại biểu cho người lao động*.

Dân chủ xô viết được phát triển đầy đủ, nó trở thành dân chủ xã hội chủ nghĩa triệt để nhất. Trong giai đoạn phát triển thứ nhất của nó, dân chủ xô viết là dân chủ với đại đa số người, tức dân chủ với người lao động, lúc ấy nó tước quyền lợi chính trị của thiểu số người bóc lột trong xã hội. Theo Hiến pháp năm 1936, thì thực hiện chế độ bầu cử mới, dựa trên cơ sở đầu phiếu phổ thông.

Trong giai đoạn phát triển thứ nhất của Nhà nước xô viết, giai cấp công nhân và nông dân còn có phần nào chưa bình đẳng về mặt bầu cử, điều đó không thể tránh được. Trong hoàn cảnh đấu tranh giai cấp gay go, trong khi vấn đề « ai thắng ai » chưa được giải quyết, và nông dân lao động chưa bước vào con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh đó, cho công nhân có một số đặc quyền hơn nông dân về mặt tuyển cử, là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân. Lúc ấy, nếu không làm như thế thì không thể giữ vững được nền chuyên chính của giai cấp công nhân và không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Tình hình ấy đã được phản ánh trong những Hiến pháp đầu tiên của Liên-xô. Hiến pháp Liên-xô năm 1936 đã dùng quyền tuyển cử bình đẳng để thay thế cho quyền tuyển cử chưa hoàn toàn bình đẳng trước kia, làm cho quyền tuyển cử của công nông đi đến bình

đảng. Đó là do nông dân đã đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, tới gần giai cấp công nhân, và khối liên minh công nông thêm củng cố. Kết quả đó làm cho nền chuyên chính của giai cấp công nhân, của giai cấp tiên tiến trong xã hội, có cơ sở xã hội rộng rãi hơn và trở thành chế độ lãnh đạo xã hội bằng Nhà nước, linh hoạt hơn, lớn mạnh hơn.

Trong giai đoạn thứ hai, sự phát triển của dân chủ xô viết còn biểu hiện trong phương pháp tuyển cử trực tiếp thay thế cho phương pháp tuyển cử nhiều cấp. Điều đó yêu cầu hệ thống cơ quan chính quyền Nhà nước phải có thay đổi lớn. Hiến pháp Liên-xô năm 1936 quy định thay thế Đại hội đại biểu xô viết của toàn Liên bang, của các nước cộng hòa, của các biên khu, của các tỉnh, của các châu bằng những cơ quan chính quyền bầu cử ra và có nhiệm kỳ suốt đến lần bầu cử sau, tức là bằng Xô viết tối cao Liên-xô, Xô viết tối cao của các nước cộng hòa tham gia Liên minh và các nước cộng hòa tự trị, Xô viết đại biểu cho người lao động của các biên khu, các tỉnh, v.v... Tất cả những đại biểu xô viết nói trên đều do công dân bầu ra bằng phương pháp bầu cử trực tiếp.

Lúc ấy quyền hạn của cơ quan chính quyền Nhà nước tối cao và quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước tối cao được phân biệt rõ ràng hơn, Xô viết tối cao Liên-xô là cơ quan duy nhất có quyền hạn ban bố *pháp luật* ở Liên-xô. Quy định ấy đảm bảo tính chất cố định của pháp luật và nâng cao uy tín của pháp luật xô viết là pháp luật đại biểu cho ý chí của toàn thể nhân dân. Xô viết tối

cao Liên-xô là cơ quan chính quyền Nhà nước tối cao không những chỉ ban bố pháp luật. Nó còn bầu ra Chủ tịch đoàn Xô viết tối cao Liên-xô là cơ quan giữ vai trò người chủ tịch tập thể và ban bố *pháp lệnh*, nó thành lập Chính phủ Liên-xô. Chính phủ Liên-xô chịu trách nhiệm trước Xô viết tối cao Liên-xô và phải báo cáo công tác với Xô viết tối cao. Chính phủ Liên-xô tức Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô là cơ quan chấp hành và cơ quan ra lệnh tối cao của chính quyền Nhà nước Liên-xô. Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô ban bố *ng nghị quyết và mệnh lệnh*, trên cơ sở những pháp luật do Xô viết tối cao Liên-xô thông qua đồng thời thi hành những pháp luật ấy.

Việc thông qua Hiến pháp mới ở Liên-xô là sự phản ánh những thắng lợi đã thu được trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và là sự xác định những thắng lợi ấy bằng thủ tục lập pháp. Những điều trong Hiến pháp xác định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội về mặt kinh tế, tỏ rõ kiến trúc thượng tầng chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đã giúp cho cơ sở của mình hình thành và củng cố như thế nào.

Toàn bộ pháp quyền xô viết dựa vào Hiến pháp Liên-xô, có tác dụng lớn lao về mặt dùng thủ tục lập pháp để củng cố quan hệ xã hội chủ nghĩa. Pháp quyền tư sản củng cố chế độ xã hội có lợi và tiện lợi cho bọn bóc lột (quyền thống trị của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, chế độ người bóc lột người, nam nữ không bình đẳng, áp bức dân tộc, v.v...). Ngược lại, pháp quyền xô viết củng cố chế độ xã hội có lợi và tiện lợi cho người lao động: sự thống trị của chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa,

sự tiêu diệt chế độ người bóc lột người, nam nữ bình đẳng, dân tộc và chủng tộc bình đẳng, v.v...

Pháp quyền tư sản cũng như tất cả các kiểu pháp quyền trước kia, củng cố sự bất bình đẳng về kinh tế giữa người với người, mà nguyên nhân căn bản của sự bất bình đẳng ấy là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và chế độ người bóc lột người. Ngược lại, pháp quyền xã hội chủ nghĩa củng cố sự bình đẳng thực sự của công dân, do sự xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự tiêu diệt chế độ người bóc lột người đem lại. Pháp quyền xã hội chủ nghĩa quy định ai nấy đều có nghĩa vụ bình đẳng tham gia lao động theo năng lực của mình, đồng thời cũng quy định tất cả những người lao động đều có quyền bình đẳng được hưởng thụ theo số lượng và chất lượng lao động của mình.

Mâu thuẫn hết sức sâu sắc giữa những quy định mà pháp quyền tư sản tuyên bố và buộc mọi người tuân theo với những quan hệ hiện thực hình thành trong sinh hoạt là đặc trưng của pháp quyền tư sản. Những quy định của pháp quyền tư sản phản ánh quan hệ kinh tế hiện thực của chủ nghĩa tư bản bằng một hình thức xuyên tạc, còn pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì khác, nó phản ánh quan hệ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa một cách thật thà. Pháp quyền xã hội chủ nghĩa không có hiện tượng quyền lợi và nghĩa vụ của công dân tách rời nhau như trong xã hội tư bản. Trong xã hội tư bản, giai cấp thống trị thực tế hưởng mọi quyền lợi, còn những người bị áp bức thì không

những không có quyền lợi mà lại phải gánh vác hết thảy mọi nghĩa vụ.

Hiến pháp Liên-xô quy định công dân Liên-xô đều có quyền bình đẳng về các mặt sinh hoạt kinh tế, Nhà nước, văn hóa và chính trị xã hội, không kể thành phần xã hội xuất thân, tình hình tài sản như thế nào, không kể người ấy thuộc chủng tộc và dân tộc nào, là nam hay nữ và theo tín ngưỡng tôn giáo nào, v.v... Những quyền lợi ấy không những được tuyên bố trong Hiến pháp Liên-xô, mà còn được đảm bảo thực hiện bằng những điều kiện vật chất hiện thực.

Pháp quyền xô viết phản ánh và củng cố cơ sở sau đây của chủ nghĩa xã hội : chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ; sự tiêu diệt giai cấp bóc lột và hiện tượng người bóc lột người ; mỗi người công dân có năng lực lao động đều có nghĩa vụ lao động theo công thức « người không lao động thì không được ăn », công dân Liên-xô đều có quyền lao động, quyền nghỉ ngơi, quyền được giáo dục, v.v... và các thứ tự do dân chủ của công dân, v.v... Pháp quyền xô viết không những củng cố chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, mà còn thúc đẩy chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển thêm. Ca-li-nin nói : « Pháp quyền một mặt là kiến trúc thượng tầng trên quan hệ kinh tế đã hình thành, đồng thời lại là nhân tố thúc đẩy và vạch phương hướng rõ rệt cho quan hệ ấy. Không còn nghi ngờ gì nữa, đặc trưng của pháp quyền là củng cố quan hệ đã hình thành và thúc đẩy, dẫn đến hay ít nhất cũng xúc tiến sự phát sinh của những quan

hệ mà người lập pháp mong muốn đạt tới một cách có ý thức. Thực chất của vai trò sáng tạo của lập pháp là ở đó » (1).

Pháp quyền xã hội chủ nghĩa tích cực xúc tiến việc củng cố quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa, và đấu tranh với mọi hiện tượng chống đối với quan hệ ấy. Pháp quyền xã hội chủ nghĩa trừng phạt kẻ thù của nhân dân, kẻ phản quốc, bọn đặc vụ do thế lực bao vây của chủ nghĩa tư bản phái đến, những phần tử xâm phạm đến tài sản xã hội chủ nghĩa, những phần tử phá hoại quyền của công dân Liên-xô. Nhà nước dựa vào những điều quy định của pháp quyền để kiểm tra tiêu chuẩn lao động và tiêu chuẩn tiêu dùng, nhằm đảm bảo sự phù hợp chặt chẽ giữa số lượng và chất lượng lao động mà mỗi người bỏ vào sản xuất xã hội với tiền lương của họ. Không có sự điều chỉnh ấy của pháp quyền, thì kinh tế xã hội chủ nghĩa không thể hoạt động đều đặn được. Như Lê-nin đã nói, nếu không muốn sa vào vũng lầy không tưởng, thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản người ta biết lao động ngay cho xã hội mà không cần một quy định pháp quyền nào.

Một trong những đặc điểm của pháp quyền xã hội chủ nghĩa — kiểu pháp quyền cao nhất — là ở chỗ tất cả những quy định của nó hoàn toàn phù hợp với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, hoàn toàn phù hợp với quan điểm pháp quyền và đạo đức của nhân dân lao động. Vì thế việc chấp hành những quy định của pháp quyền xã hội chủ

(1) Ca-li-nin : « Tập luận văn và diễn văn (1919-1935) ».

*] nghĩa xô viết được đảm bảo không những bằng lực
lượng cưỡng bức của Nhà nước, mà còn bằng sự
* ủng hộ tích cực và tự giác của công dân nữa. Đó
là chỗ khác nhau căn bản giữa pháp quyền xã hội
chủ nghĩa xô viết và pháp quyền tư sản mà quần
chúng lao động thù ghét, vì pháp quyền tư sản đại
biểu cho ý chí của kẻ đi bóc lột, đối địch với lợi
ích của người lao động, với đạo đức và quan điểm
pháp quyền của người lao động.

Pháp quyền xô viết là công cụ sắc bén dùng
để giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho nhân dân.
Pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa không
những bảo vệ cơ sở của xã hội xã hội chủ nghĩa,
dùng thủ đoạn cưỡng bức đối với những phần tử
đi ngược lại pháp luật, khuyến khích những người
tiên tiến trong việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản,
mà còn thúc đẩy việc thực hiện những tiêu chuẩn
sinh hoạt chung của chủ nghĩa xã hội, những tiêu
chuẩn của đạo đức cộng sản trong sinh hoạt hàng
ngày. Tác dụng cao cả đó của pháp quyền xô viết
đối với ý thức của quần chúng là một trong những
đặc trưng của nó, và làm cho nó trở thành công
cụ sắc bén trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi hoàn
toàn của chủ nghĩa cộng sản.

9. — HẾT SỨC TĂNG CƯỜNG NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, CÔNG CỤ XÂY DỰNG XÃ HỘI MỚI VÀ BẢO VỆ XÃ HỘI MỚI CHỐNG LẠI VÒNG VÂY CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Kinh nghiệm lịch sử chứng minh rằng giai cấp
vô sản đã giành được thắng lợi, cần phải xây dựng

một bộ máy chính quyền Nhà nước tập trung, củng cố, lớn mạnh, có thể thực hiện được chuyên chính vô sản (tức là lãnh đạo xã hội bằng Nhà nước để xây dựng xã hội cộng sản). Chủ nghĩa Mác—Lê-nin đã vạch trần chủ nghĩa vô chính phủ không thừa nhận Nhà nước vô sản là cần thiết, chỉ rõ chủ nghĩa ấy hoàn toàn không có căn cứ về lý luận và có tính chất phản lại giai cấp vô sản, có tính chất tiêu tư sản. Không có chuyên chính vô sản thì không thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Chính vì thế nên Lê-nin và Sta-lin mới nhiều lần nhấn mạnh: *Điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác là học thuyết về chuyên chính vô sản.*

Đảng cộng sản, trước kia và hiện nay đã không ngừng đấu tranh để củng cố Nhà nước xô viết và vạch trần mọi âm mưu của kẻ thù hòng phá hoại uy lực của Nhà nước xô viết. Bọn Bu-kha-rin xuyên tạc đề cương của chủ nghĩa Mác về việc tiêu diệt giai cấp, lấy đó để bào chữa cho lý luận phản cách mạng của chúng: lý luận dập tắt đấu tranh giai cấp và làm yếu chính quyền Nhà nước; Đảng đã đánh gục bọn chúng. Sau này, khi chủ nghĩa cộng sản đã thắng lợi ở tất cả các nước hay ở phần lớn các nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ không còn nữa. Nhưng nó mất đi không phải vì nó suy yếu dần mà chỉ là vì nó được tăng cường và phát triển cao độ, chỉ là vì vòng vây tư bản chủ nghĩa bị tiêu diệt.

X | Mặc dù theo bản chất của nó mà nói, Nhà nước là cơ quan thống trị giai cấp, nhưng trong nước xã hội chủ nghĩa tuy không còn giai cấp đối

địch, chống chọi nhau nữa, cũng vẫn còn cần có Nhà nước. Như thế, trước hết là vì vòng vây của chủ nghĩa tư bản còn tiếp tục tồn tại, mà đối với nước xã hội chủ nghĩa thì quan hệ với vòng vây tư bản lại là quan hệ đấu tranh giai cấp. Nước xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi nhưng nằm trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản, cần phải có Nhà nước mạnh mẽ để bảo vệ kết quả thắng lợi của mình, ngăn ngừa nước ngoài xâm phạm. Đồng thời, trong nước còn có sự khác nhau về giai cấp, còn có tàn tích của chủ nghĩa tư bản, mà ta cần phải đấu tranh, cho nên còn cần có Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa cộng sản, nó biểu hiện giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội bằng Nhà nước và nó hướng xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa là điều kiện tất yếu của những thắng lợi lịch sử mà nhân dân Liên-xô đã giành được. Bản báo cáo tổng kết công tác của Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô trong Đại hội đại biểu Đảng lần thứ 19 đã nói: « Nếu trước kia chúng ta để cho Nhà nước suy yếu đi thì chúng ta đã không có những thành tích trong kiến thiết hòa bình mà ngày nay chúng ta lấy làm tự hào. Nếu trước kia chúng ta không củng cố Nhà nước, quân đội, cơ quan trừng phạt và cơ quan trình thám, điều tra của chúng ta, thì chúng ta đã phải khoanh tay trước kẻ địch, và trước nguy cơ thất bại về quân sự. Đảng đã làm cho nước xô viết trở thành một thành trì vững chắc của chủ nghĩa

xã hội, vì trước kia và hiện nay, Đảng đều dốc hết toàn lực để củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa » (1).

Nhà nước xô viết được củng cố và lớn mạnh là điều kiện quan trọng nhất để xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô. Đảng cộng sản luôn luôn quan tâm đến việc thực hiện những nguyên tắc hết sức quan trọng của Lê-nin về cải tiến cơ quan Nhà nước xã hội chủ nghĩa, làm cho nó thích hợp với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đảng cố gắng tăng cường mối liên hệ giữa bộ máy Nhà nước xô viết với quần chúng nhân dân, hết sức tiết kiệm việc chi tiêu của bộ máy Nhà nước, tẩy trừ bệnh quan liêu và phương pháp lãnh đạo theo lối quan liêu bàn giấy, khuyến khích tinh thần chủ động sáng tạo của quần chúng. Đảng đặc biệt coi trọng vấn đề *cải tiến công tác của bộ máy Nhà nước* để phục vụ lợi ích của người lao động, làm cho sự lãnh đạo kinh tế, văn hóa quốc dân được tốt hơn và có hiệu suất hơn, làm cho bộ máy Nhà nước càng gần gũi quần chúng nhân dân hơn.

Muốn tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, không những cần phải cải tiến hơn nữa « kết cấu » của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các cơ quan của Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà còn cần phải củng cố và mở rộng hơn nữa mối *liên hệ* của Nhà nước ấy *với quần chúng*. Hoạt động có tính chất sáng tạo của nhân dân có tác dụng quyết định trong

(1) Ma-len-cốp: « Báo cáo tổng kết công tác của Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô ở Đại hội đại biểu lần thứ 19 ».

công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo thu hút hàng triệu người lao động tham gia giải quyết những vấn đề xã hội và vấn đề quốc gia, do đó xúc tiến việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, làm cho nó nhanh chóng hơn. Triệt để thực hiện dân chủ xô viết, mở rộng phê bình và tự phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên, đó là con đường để thu hút người lao động tham gia tích cực và có tính chất quyết định vào việc quản lý Nhà nước của mình, vào việc kiểm soát hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Việc phát triển dân chủ xô viết, mở rộng phê bình và tự phê bình, giúp cho Nhà nước xô viết được mạnh mẽ hơn lên.

Việc mở rộng phê bình và tự phê bình là một bằng chứng về nền dân chủ thực sự của chế độ xô viết. Phê bình và tự phê bình là một hình thức kiểm soát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước, của công đoàn và các tổ chức xã hội khác. Phê bình và tự phê bình là vũ khí sắc bén nhất để đấu tranh với bệnh quan liêu và mọi hiện tượng của bệnh quan liêu trong bộ máy Nhà nước. Việc phê bình từ dưới lên biểu hiện sự quan tâm của người lao động đối với việc củng cố Nhà nước xô viết. Đảng cộng sản kiên quyết đấu tranh với bệnh quan liêu, đòi hỏi tất cả các cơ quan Nhà nước và nhân viên công tác trong bộ máy Nhà nước phải thường xuyên quan tâm đến nhu cầu của người lao động, nghiêm khắc tuân theo pháp luật xô viết và ngăn ngừa bất cứ hành vi nào xâm phạm đến quyền lợi của công

7 | dân xô viết. Kiên quyết tuân theo pháp luật xô viết là một trong những điều kiện cần thiết để tăng cường sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong hơn 30 năm chính quyền xô viết tồn tại, kẻ thù đã từng dự đoán rằng chính quyền ấy không bao lâu sẽ diệt vong, quả quyết rằng nó « yếu ớt », « không vững chắc », và còn tìm trăm phương nghìn kế để tiêu diệt nó hoặc làm cho nó suy yếu. Nhưng dù chúng dự đoán như thế nào và có những hành vi thù địch như thế nào Nhà nước xô viết vẫn được củng cố không ngừng.

Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô làm cho công nhân, nông dân và giới trí thức đoàn kết thành mặt trận lao động thống nhất, làm cho tình hữu nghị giữa các dân tộc Liên-xô được tăng cường, sinh hoạt chính trị trong nước được dân chủ hóa triệt để, thắng lợi đó càng củng cố thêm Nhà nước xô viết và tăng cường sức mạnh của Nhà nước xô viết. Xã hội xô viết nhất trí về tinh thần và chính trị, khối liên minh của giai cấp công nhân và nông dân nông trang tập thể được củng cố, tình hữu nghị của các dân tộc trong nước ta được tăng cường, tinh thần yêu nước xô viết tăng tiến, tất cả những việc đó đều chứng minh rằng chế độ xô viết được củng cố thêm.

Nguồn sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết là chế độ xã hội xô viết xây dựng trên cơ sở liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân và nông dân tập thể. Nhà nước xã hội chủ nghĩa sở dĩ có sức mạnh không những là vì có

X | quan hệ mới giữa các giai cấp trong xã hội, mà còn vì có quan hệ mới giữa các dân tộc và bộ tộc nước ta. Quan hệ mới ấy giữa các dân tộc, biểu hiện cụ thể ở chế độ Nhà nước xô viết dựa trên cơ sở hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc Liên-xô. Sở dĩ Nhà nước xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, còn vì có Đảng cộng sản Liên-xô chỉ đạo sự hoạt động của Nhà nước và lãnh đạo Nhà nước. Đó là nguyên nhân tại sao sau những lần thử thách lịch sử hết sức lớn lao mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết đã phải trải qua, Nhà nước đó lại càng mạnh mẽ hơn và vững chắc hơn.

Chiến tranh thế giới thứ hai là một thử thách có tính chất quyết định để xem chế độ xã hội và chế độ chính trị xô viết có bền vững hay không. Một Nhà nước trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc như thế, mà trái lại càng thêm lớn mạnh về vật chất, về chính trị và về tinh thần, sự thật ấy xưa nay chưa từng có trong lịch sử. Sau khi chiến tranh kết thúc, lực lượng của Liên-xô tăng lên, sự thật đó chứng minh sức sống hết sức vĩ đại của chế độ xô viết.

X | Tác dụng lịch sử vĩ đại của Nhà nước xã hội chủ nghĩa quyết không phải hạn chế ở hoạt động cải tạo trong nước mình. 30 năm trước, khi Nhà nước xô viết ra đời, Sta-lin đã nói : ngày nay chính quyền xô viết không những muốn sống còn, mà còn muốn « phát triển thành một lực lượng quốc tế mạnh mẽ có thể ảnh hưởng đến tình hình quốc tế có thể làm cho tình hình quốc tế biến đổi có lợi

cho người lao động» (1). Chiến tranh thế giới thứ hai chứng tỏ Liên-xô quả thật đã trở thành một lực lượng như vậy. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân các dân tộc Liên-xô đấu tranh anh dũng, không những để bảo vệ tự do và độc lập của Tổ quốc mình, mà còn cứu vãn nền văn minh châu Âu khỏi bàn tay của bọn hung thủ phát xít. Kết quả của chiến tranh làm cho nhân dân nhiều nước ở Trung Âu, Đông Nam Âu và châu Á, nhờ có Liên-xô giúp đỡ đã thoát khỏi ách áp bức của đế quốc.

Lấy hai kiểu Nhà nước xã hội chủ nghĩa và Nhà nước tư sản làm ví dụ, có thể thấy rõ : chức năng đối ngoại, chính sách đối ngoại của hai kiểu Nhà nước ấy chứng tỏ bản chất giai cấp của nó hoàn toàn đối lập nhau. Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết đại biểu cho lợi ích của nhân dân, của người lao động, nó triệt để chấp hành chính sách hòa bình. Muốn xây dựng chủ nghĩa cộng sản, muốn nhân dân các nước được hạnh phúc, cần phải có hòa bình dân chủ bền vững và lâu dài. Nhà nước ở các nước dân chủ nhân dân cùng sánh vai với Nhà nước xô viết, đấu tranh để giành hòa bình bền vững và lâu dài. Trái lại các nước đế quốc do Mỹ đứng đầu đang thi hành chính sách chuẩn bị chiến tranh thế giới mới, thực hành chính sách chiếm đoạt lãnh thổ nước khác, thực hành chính sách nô dịch nhân dân các nước.

(1) Stalin : « Bàn về việc thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết ».

Liên-xô lãnh đạo phe dân chủ chống đế quốc đấu tranh chống lại bọn đế quốc phản động để giành hòa bình lâu dài, dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết là thành trì của hòa bình toàn thế giới. Nó trở thành lực lượng tiên tiến trong sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

KẾT LUẬN VẮN TẮT

Tóm lại, những kiểu và những hình thức khác nhau của Nhà nước và pháp quyền là kiến trúc thượng tầng chính trị và pháp luật xây dựng trên những cơ sở kinh tế tương xứng nhất định trong lịch sử. Nhà nước và pháp quyền đều là những hiện tượng lịch sử, nó không phải tồn tại mãi mãi, nó là công cụ của một giai cấp thống trị các giai cấp khác.

Trong tất cả những nước tư bản hiện nay, Nhà nước dưới bất cứ hình thức nào, cũng đều là chuyên chính của giai cấp tư sản, đều là công cụ của giai cấp bóc lột thống trị quần chúng lao động. Sứ mệnh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa là cùng với các bạn đồng minh tiêu diệt Nhà nước tư sản và thay bằng Nhà nước của mình tức là chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản là hình thức dân chủ cao nhất, là dân chủ của đại đa số người trong xã hội, tức người lao động.

Những người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân là Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin đã vạch ra

rằng: giai cấp vô sản quyết không thể lợi dụng bộ máy Nhà nước của giai cấp tư sản để đạt đến mục đích của mình, vì bộ máy đó chỉ thích hợp với việc áp bức người lao động, về căn bản nó là thù địch của người lao động. Giai cấp công nhân cần phải đập tan, phá hủy Nhà nước tư bản, và sáng tạo ra bộ máy Nhà nước riêng của mình, Nhà nước vô sản; dựa vào Nhà nước ấy, giai cấp công nhân có thể trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột, tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu để xây dựng xã hội cộng sản và bảo vệ kết quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, chống lại vòng vây tư bản.

Dốc hết lực lượng để tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trước kia và ngày nay, vẫn là điều kiện chính trị có tính chất quyết định để đưa xã hội xô viết tiến lên chủ nghĩa cộng sản một cách thắng lợi.

MỤC LỤC

TRANG

— LỜI NHÀ XUẤT BẢN	3
------------------------------	---

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP QUYỀN

1. — Nhà nước và pháp quyền là kiến trúc thượng tầng chính trị và pháp luật trên cơ sở kinh tế	5
2. — Nguồn gốc của Nhà nước và pháp quyền .	16
3. — Chức năng của Nhà nước	23
4. — Các kiểu và các hình thức Nhà nước . . .	29
5. — Chuyên chính vô sản là Nhà nước kiểu mới	51
6. — Hình thức Nhà nước chuyên chính vô sản	64
7. — Đảng cộng sản là lực lượng chỉ đạo hệ thống chuyên chính của giai cấp vô sản .	77
8. — Các giai đoạn phát triển và chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa	83
9. — Hết sức tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ xây dựng xã hội mới và bảo vệ xã hội mới chống lại vòng vây của chủ nghĩa tư bản	103
— Kết luận vắn tắt	111

**NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP QUYỀN**

IN TẠI XƯỞNG IN TIẾN-BỘ
175, NGUYỄN THÁI HỌC — HÀ-NỘI
7.059 c — SỐ IN 0551 — SỐ X. B. 373
XONG NGÀY 15-4-57 KHỔ 13 x 19
NỘP LƯU CHIỀU THÁNG 4-1957

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

TOÀN BỘ CUỐN DUY VẬT LỊCH SỬ GỒM 12 CHƯƠNG

*do Viện Nghiên cứu triết học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô
xuất bản năm 1954*

của CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

- CHƯƠNG I.— Duy vật lịch sử là một môn khoa học
- CHƯƠNG II.— Điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.
- CHƯƠNG III.— Sự phát triển của sức sản xuất và quan hệ sản xuất.
- CHƯƠNG IV.— Cơ sở và thượng tầng kiến trúc của xã hội.
- CHƯƠNG V.— Giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- CHƯƠNG VI.— Nhà nước và pháp quyền.
- CHƯƠNG VII.— Lý luận Mác — Lê-nin về cách mạng.
- CHƯƠNG VIII.— Lý luận Mác — Lê-nin về dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc.
- CHƯƠNG IX.— Tác dụng của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử.
- CHƯƠNG X.— Ý thức xã hội và các hình thái của ý thức xã hội.
- CHƯƠNG XI.— Động lực phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.
- CHƯƠNG XII.— Quy luật của bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản.

HIỆU SÁCH NHÂN DÂN PHÁT HÀNH